

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Thó

Thó : *dáng, vẻ*
(*nhỏ thó*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ Việt cổ

Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Phạn: *com*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

Chữ quốc ngữ

Cho đến bây giờ, chúng ta chưa tìm biết được ai là tác giả đã đặt tên cho thứ chữ ghi âm theo mẫu tự La tinh là... “*chữ quốc ngữ*”.

Thực ra đây là một trường hợp sử dụng từ sai lầm vì “*quốc*” là *nước*, “*ngữ*” là “*tiếng*”. “Quốc ngữ” là tiếng nói của một nước.

Như thế khi ta dùng từ ngữ “chữ quốc ngữ” để chỉ *chữ viết của nước ta* là sai hoàn toàn bởi làm lộn giữa “*văn tự*” và *tiếng nói (ngôn ngữ)*. Trong *Việt Nam Văn học sử yếu*, Dương Quảng Hàm đã nêu vấn đề trên, nhưng theo ông thì “Từ ngữ này mọi người đã quen dùng rồi không đổi được nữa”.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

Chữ là nghĩa

Vàm

Ngã ba sông gọi là *Vàm*.
Như Vàm Cỏ, Vàm Cống, v...v...
(Đoàn Xuân Thu)

Ca trù



CV080

Hát ca trù hay *hát nhà trò*, hát ả đào, hát cô đầu, *hát nhà tơ*, theo văn bia, thư tịch cổ xuất hiện ở nước ta từ thời Lý. Năm 1025, vua Lý Thái Tổ đặt chức quản cho giới con hát. Tuy nhiên phải đến thời Hồng Đức (1470–1479), nghệ thuật hát ca trù mới chính thức được hoàn thiện nhiều mặt từ giáo phường, đến không gian trình diễn.

Theo đó, hát ca trù có năm không gian trình diễn chính: *Ca trù cửa đình* (hát ở cửa đình tế thần); *ca trù cửa quyền* (thường thức ca trù của các nhà quan); *ca trù tại gia*; *ca trù hát thi*; *hát ca quán*. Những *hát nói*, *hát ru*, *hát sẩm*... cũng từ hát ca trù mà có.

(Nghệ thuật ca trù – Bùi Đệp)

Chữ lót

Chữ lót hoặc tên đệm thường được sử-dụng nhất là "văn" và "thị" phân biệt phái nam với phái nữ. "Văn" nghĩa là "người có học", "nhà nho". "Thị" có nghĩa là "đàn bà".

Có thuyết cho rằng "thị" phát sinh ra gốc họ hàng (thị tộc), có ý ám chỉ nhờ người đàn bà mà tộc họ được tồn tại và kéo dài. Theo một số nhà ngữ học, "văn" và "thị" có nghĩa là "*con trai của...*", "*con gái của...*" và là *dấu vết ảnh hưởng văn hóa Mã Lai*.

(Văn hóa người Việt qua tên họ - Nguyễn Vy Khanh)

Đình Bảng, kiến trúc độc đáo Kinh Bắc - 1

Đình Bảng bắt đầu được xây dựng năm 1700, ngôi đình năm 1736 mới hình thành, nhưng theo giai thoại phải mất 60 năm ! Cũng dễ hiểu khi ta biết thuở ấy chưa có máy móc dụng cụ hỗ trợ, nhất là để dựng đứng hay sắp xếp những cột gỗ to nặng. Mọi việc đều phải thực hiện bằng tay, có khi vận dụng những cột gỗ lim to quá nặng cần phải *đào lỗ để làm đòn bẩy*, giải thích vì sao quanh các đình có những áo sâu. Đình Bảng là một công trình kiến trúc quy mô, nguyên trước có cả tam quan, cửa giữa xây hai trụ gạch kiểu lồng đèn cao, hai bên có cửa cuốn tò vò giả mái, phía sau là khoảng sân rộng, hai bên là hai dãy tả vu và hữu vu. Cũng như mọi ngôi đình khác, công trình quan trọng nhất của đình Đình Bảng về mặt kiến trúc nghệ thuật là toà Bái Đường (Đại Đình)



Bái Đường hình chữ nhật, dài 20m, rộng 14m chia làm bảy gian, hai chái nằm trên nền cao bó đá xanh có hai bậc cấp. Vẽ đồ sộ của đình thể hiện qua phần mái toả rộng chiếm 2/3 chiều cao tổng thể và 6 hàng, khoảng 60 cột lim lớn nhỏ có đường kính từ 0,55- 0,65 m, được đặt trên các tầng đá xanh vuông vức.

(Võ Quang Yên)

Giai thoại làng văn xóm chữ Tối linh từ

Ông Ich Khiêm, được cử giữ chức Tiểu phủ sứ, vâng lệnh cầm quân ra Bắc dẹp giặc Lý Dương Tài, ở hồ Ba Bể, khi trở về qua Hà Thành cho lập một ngôi đền thờ những tướng sĩ trận vong. Ông sai người đến xin Yên Đổ mấy chữ để ngoài cổng đền, người này kể lể "quan Tiểu muốn làm đền cho *lính tôi*", ra về tự đắc *mình cũng là hàng tướng*. Yên Đổ cho ba chữ: *Tối linh từ*.

Ông Tiểu cho là chữ quá ư tầm thường, có biết đâu Yên Đổ đã nói lái: "tối linh là *lính tôi*" cho bõ ghét cái anh tay sai hách xằng!

(Lăng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

Đình Bảng, kiến trúc độc đáo Kinh Bắc - 2

Cửa võng



Khi bước vào lòng đình, tinh hoa của nghệ thuật chạm khắc thế kỷ XVIII là *bức cửa Võng* lớn ở cung giữa thuộc gian ngoài. *Bức Võng* phủ kín một diện rộng, kéo dài từ thượng lương xuống hạ xà và mở ngang hết một gian. Cửa Võng được chạm kết hợp chạm nổi tinh xảo trên cả 7 lớp, 9 ô các đề tài tứ linh, tứ quý.... Phía trên bức cửa Võng là bức trần gỗ che kín mái gian giữa với hình trang trí là một con chim phượng xoè rộng cánh tới các vầng vân mây quanh đó.



Hoa văn trang trí trên các cấu kiện kiến trúc khác rất đa dạng, chạm trở tinh vi, trau chuốt, hài hoà. Kết cấu bộ khung đình khá vững chắc, gắn với nhau bằng các loại mộng theo lối chồng giường *Thượng tam, hạ tứ*. Mỗi bức chạm khắc ở đình là một tác phẩm nổi tiếng độc nhất vô nhị.

(Võ Quang Yến)

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Nhà văn Xuân Vũ tên thật là Bùi Quang Triết, tham gia kháng chiến ở miền Nam và tập kết ra Bắc năm 1954, đã hồi chánh năm 1968 khi được CS Bắc Việt đưa trở lại miền Nam trong chiến dịch tổng công kích Tết Mậu Thân.

Với những kinh nghiệm bản thân của một nhà văn trong hàng ngũ cộng sản hơn 20 năm, nhất là hơn 10 năm sống ở miền Bắc, Xuân Vũ biết rất rõ sinh hoạt văn học ở miền Bắc. Sau khi hồi chánh, Xuân Vũ nổi tiếng ở miền Nam với tác phẩm "Xương Trắng Trường Sơn" và "Đường Đi Không Đến", viết về những sự thật trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam.

Khi miền Nam VN sụp đổ, Xuân Vũ đã kịp di tản ra khỏi VN cùng gia đình và định cư tại San Antonio, Texas, Hoa Kỳ và tiếp tục viết cho đến ngày qua đời, 1/1/2004.

Nguyễn Công Hoan – 1



Nguyễn Công Hoan trào phúng hình như bẩm sinh. Ông nhìn vật gì cũng với cặp mắt trào phúng. Không gì nghiêm túc cả. Đó là nét đặc biệt của nhà văn Nguyễn Công Hoan.

Nhà văn Nguyễn Công Hoan (1903-1977)

Nét đặc biệt thứ hai là (theo ông nói) ông không hề đọc sách, nhất là truyện. Hỏi tại sao? Ông bảo sợ viết trùng với người khác. Hay hơn hoặc dở hơn cũng đều bị chê là *cầm nhảm*.

Nét thứ ba: Nguyễn Công Hoan không bao giờ đi thực tế nông thôn hay nhà máy.

Nét thứ tư: Ông chữa trong khi viết. Viết xong là xong, đưa in chớ không có viết lại bản thảo thứ hai thứ ba.

Ông được hỏi trong trường hợp nào ông cho ra đời kiệt tác *Bước Đường Cùng*. Ông nói ông có nghe tí chuyện ở đâu đó rồi phát hứng lên, bỏ nhà đi đến một nơi im lặng, đóng cửa viết luôn mười lăm ngày xong đem về in. Ông viết trên giấy rời. Tờ nào không ưng ý thì rút ra viết tờ khác. Tôi có thấy bản thảo của ông. Chữ rất đẹp, trang nào cũng sạch nguyên, không dập xóa mù mịt như bản thảo của Tô Hoài. Dường như trời phú cho ông cây bút, hễ viết là ra văn, không phải chữa.

Ông có nụ cười rất hóm. Ánh mắt tươi tỉnh sau mực kính. Nhưng ít nói chuyện. Cơ quan cần họp đem xe đến rước ông đến, họp xong ông về, không mấy khi ở lại cơ quan. Dù là chủ tịch Hội Nhà Văn, ông cũng không giải quyết vấn đề gì cả. Nhưng tôi thấy hình như vào thời kỳ sau 54 thì ông cũng không thiết sáng tác.

(Xuân Vũ)

Nói lái trong dân gian

Trong dân gian, hầu như ở miền nào cũng có nghe truyền tụng những câu nói lái qua câu đố, câu đối, hay nói lái với hò vè, thơ ca...

Nói lái với câu đối:

Con cá đối nằm trên cối đá

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Nguyễn Công Hoan - 2

Nguyễn Công Hoan tụt thang sau 1954. Ông viết rất thưa thớt, không có lửa. Ở Việt Bắc cũng thế. Độc giả tự hỏi: “Sao ông không có tiểu thuyết kháng chiến? Trong lúc đó thì trước 45, tác phẩm của ông chồng cao đến đâu?”.

Lúc ra Hà Nội tôi cố ý tìm những tác phẩm mới của những bậc tài danh cũ để đọc, một bữa đang ngồi trên ghế thợ cạo, tôi vớ nhầm tờ *Trăm Hoa* của Nguyễn Bính mới ra, thấy truyện ngắn của ông, viết theo hình thức những lá thư, nhân vật tên là Huyền. Đọc xong tôi thấy buồn. Không phải Nguyễn Công Hoan.

Trong lần đầu tranh đề bẹp *Nhân Văn Giai Phẩm* ở nhà hát lớn Hà Nội, đáng lẽ ông ngồi trên chủ tịch đoàn, nhưng không hiểu sao ông *trón* xuống tận hàng ghế chót của hội trường ngồi?

Tôi nhớ chắc chắn không lầm, trong suốt mười năm ở Hà Nội, tôi chỉ đọc có một truyện ngắn của ông. Truyện *Cây Mít* dài chừng nửa trang đầu báo Văn Nghệ. Độc giả, nhất là đám mới tập tành vào nghề như tôi, mừng rơn: Lão tướng lại ra quân. Nhưng không, sau *Cây Mít*, không có cây ổi, cây xoài gì nữa cả. Mảnh vườn văn học Hà Nội chỉ loe hoe vài ngọn cỏ...

Cây Mít lấy đề tài trong Cải Cách Ruộng Đất – Nội dung là một anh bần cố bị cướp đất trên đó có cây mít. Nhờ Cải Cách Ruộng Đất anh bần cố kia lấy lại được đất và hái quả chín chia cho gia đình vừa ăn vừa ơn bác ơn đảng. Chỉ có thế thôi. Tôi không thể kể hơn được vì Nguyễn Công Hoan chỉ *ơn bác ơn đảng* có thế. Tất cả nhà văn đều bị lưỡi dao xã hội chủ nghĩa thiến cụt, không riêng gì cụ Hoan.

(Xuân Vũ)

Văn hóa chửi

Cha năm đời mười đời bố cụ nhà mày ná, mày lấy thuổng mày đào, mày lấy dao mày cạo, mày bỏ thỏm vào nôi, mày đun sôi sùng sục, mày múc ra mâm, mày ăn ngấm ngấm, mày khen khoai nhà bà ngọt ná.

(Vùng sáng ký ức – Khuyết danh)

138 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Tờ Văn ở trong nước đầu tiên Trần Phong Giao làm thư ký tòa soạn, tới giai đoạn sau thì trước là Nguyễn Xuân Hoàng, sau chót lại là Mai Thảo; ra hải ngoại đổi lại, Mai Thảo ra đi, để tờ báo cho Nguyễn Xuân Hoàng tiếp tục, cả hai kiên thủ thành trì được tổng cộng trên 250 số, công lao khá lớn.

Nguyễn Xuân Hoàng làm tờ Văn từ tháng 12.1996, vất vả hơn Mai Thảo hồi những năm 80, vì người trước được đàn em hỗ trợ, lấy cho rất nhiều quảng cáo. Nếu chỉ tính 100 mỹ kim một trang, tờ Văn của tác giả Cùng Đi Một Đường lấy quảng cáo một số có thể in ba số báo cho ba tháng. Còn tờ Văn của tác giả Người Đi Trên Mây ít quảng cáo hơn nhiều, nên khó khăn gấp bội.

Cuối năm 1996 Mai Thảo không có ý định trao lại báo Văn cho Nguyễn Xuân Hoàng, mà đã ngỏ ý giao cho người khác, song người này vốn luôn luôn thất bại khi làm báo, nên ý định của Mai Thảo thay đổi vào phút chót. Mai Thảo nói với tôi khi anh còn ở trong chung cư độc thân Christian Home trên đường Bolsa, khoảng tháng 9 năm 1996.

Đời làm báo của Nguyễn Xuân Hoàng không chỉ qua tờ Văn, mà còn trên 10 năm làm báo cho công ty Người Việt, và khoảng năm năm làm tờ Việt Mercury ở San Jose. Và hiện nay còn đang làm tờ Việt Tribune cho bà Trương Gia Vy, cũng ở thành phố bắc California đó. Trong khi hàng tuần anh còn viết bài cho cái blog do anh phụ trách trên diễn đàn của đài Tiếng Nói Hoa Kỳ.

(Nguyễn Xuân Hoàng, từ thơ đến văn - Viên Linh)

Văn bia, cuốn gia phả bằng đá

Thợ khắc bia là ai?

Trong lịch sử của nghề khắc bia đá, có thể kể đến: Thợ đá Trần Văn Quảng và Trần Văn Hà ở xã Gia Đức đã khắc bia tạo năm 1696 của họ Nguyễn ở Vũ Ân, tỉnh Phú Thọ. Ông Lê Tâm là thợ khắc phường Kinh Chủ chuyên khắc bia họ Nguyễn ở Phù Đổng, Hà Nội. Hay còn có thợ khắc Nguyễn Nhân Tế khắc bia cho họ Phạm ở Cẩm Bào, tỉnh Bắc Giang. Nguyễn Bạch Tường thợ khắc xã Đại Bái, huyện Gia Định, phủ Thuận An khắc bia cho họ Ngô ở Như Nguyệt, tỉnh Bắc Ninh.

Thợ khắc là người quan trọng trong việc tạo dựng một tấm bia. Nhưng trước đó, lại cần có người viết nên nội dung của tấm văn bia ấy, làm sao để nội dung ấy nói lên một cách bao quát nhưng cụ thể với những nét quan trọng và riêng biệt về dòng họ ấy.

(Nguyễn Văn Hoa)

Đã có một thời...

Vĩnh biệt Hoàng Anh Tuấn

Nhà đạo diễn hiền lành nhất thế giới

Một lần Tuấn kéo tôi lên xem đóng phim. Phim trường là căn nhà của ông giám đốc sản xuất Thái Lai phim, nằm cuối đường Hồng Thập Tự. Căn nhà mặt tiền đường, không rộng hơn những căn nhà buôn bán tạp hóa ở dãy phố này.

Kê cái comptoir ở phía trong, đèn đuốc, máy quay linh kính xung quanh, cứ như cửa hàng bán phụ tùng máy móc. Nhà đạo diễn Hoàng Anh Tuấn râu ria xồm xoàm, nhưng đáng điệu lại rất nhàn nhã, chứ không quát tháo, chỉ chò tơi bời như những đạo diễn tôi từng nhìn thấy. Lâu lâu lại thấy đạo diễn cho máy travelling bằng cách kéo cái camera di chuyển trên mặt sàn, chẳng cần đường ray. Lúc nào cũng thấy Tuấn nhỏ nhẹ:

– Ấy ấy, làm thế này. Em làm ơn đứng sát vào một tí. Đừng cười nhiều, miệng rộng quá, mím chi thôi. Làm xem nào. Máy! Cắt!...

Họ làm việc với nhau như “anh em trong nhà”. Ấy thế mà cuốn phim cũng hoàn thành. Rồi cũng đem ra rạp chiếu làng hoàng, lời lẽ bao nhiêu chẳng biết. Nếu tôi nhớ không lầm thì ông Thái Lai chỉ sản xuất có một cuốn phim rồi thôi luôn. Sau này ông tái bản lại cuốn tiểu thuyết Chân Trời Tím mà tôi cũng chẳng hề hay biết. Đến khi sách in xong ông mới mang đến cho tôi một cuốn, bản quyền được trả bằng một châu ăn uống là xong. Còn một kỷ niệm đáng nhớ là Bà cụ Hoài Bắc (chúng tôi vẫn thường gọi bà mẹ của Phạm Đình Chương - Thái Thanh bằng

cái tên thân mật ấy) thỉnh thoảng lại nhắc về cuốn phim, nhưng cụ gọi là Phim “Ngàn năm máy bay” vì trong phim có cảnh máy bay trực thăng đổ quân xuống một vùng quê.

(Văn Quang)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Nếu biết rằng em đã lấy chồng
Anh về chửi đổng giữa đám đổng
Bố mẹ tiên sư nguyên dòng họ
Khốn kiếp sao mày dám bỏ ông.

Đã có một thời...

Thanh Tâm Tuyền

Hỏi liệu có tác phẩm mới không?

Những lúc đó anh giản dị chân thật. Nhưng bước chân ra khỏi căn nhà đó, anh có bộ mặt khác hẳn, lúc nào cũng như muốn xa lánh tất cả, từ con người đến cỏ cây. Anh sống một với cái thế giới của riêng mình, bất cần, bất chấp đến những thứ khác.

Thế rồi khi tôi ra khỏi trại cải tạo vào năm 1987, về đến Sài Gòn, chẳng biết anh ở đâu, tôi không gặp lại anh nữa. Cho đến khi anh đi định cư ở nước ngoài, tôi chỉ biết anh ở Minnesota và nghe nói anh không muốn giao thiệp, không muốn tiếp xúc nhiều và không còn viết gì thêm nữa. Thái độ của anh có phần khó hiểu. Chán chường hay vì một lý do nào khác? Nhưng tôi vẫn cứ nghĩ thế nào rồi cũng có ngày anh cho trình diện một tác phẩm lớn trong đời. Có không mở miệng thì thôi, khi mở miệng thì như trời gầm.

Nhưng đợi mãi 30 năm rồi, chưa thấy tác phẩm mới nào của anh. Biết đâu trong một ngày sắp tới chúng ta sẽ được đọc một tác phẩm cuối đời của một nhà thơ, nhà văn đã im hơi lặng tiếng suốt hơn 30 năm. Hẳn phải là một tác phẩm lớn.

Về cuộc đời và tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền tôi đã được đọc trên khá nhiều website ở nước ngoài và chắc chắn bạn đọc cũng đã biết nhiều nên tôi không viết lại ở đây. Tuy nhiên về chi tiết tiểu sử của anh, có một đôi chỗ không giống nhau. Có bạn ghi Thanh Tâm Tuyền tên thật là Dzur Văn Tâm, sinh ngày 13-3-1936, có bạn ghi ngày 15-3-1936, tôi lại nhận được một nguồn tin khác, anh sinh năm 1934, do chính anh tiết lộ với một số bạn bè khi ngồi ở nhà hàng La Pagode.

(Những khoảng khắc với Thanh Tâm Tuyền – Văn Quang)

Chữ và nghĩa

Lòng em muốn lấy thợ bào
Ảnh khom lưng ảnh đẩy cái nào cũng sâu

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nghề nghiệp. Người miền Nam thường không định nghĩa chữ “nghiệp” trong nghề nghiệp như chữ “nghiệp” trong chức nghiệp. Mà định nghĩa chữ nghiệp trong nghề nghiệp như chữ nghiệp trong nghiệp chương, nghiệp căn, nghiệp báo. Nghề đi liền với nghiệp. Anh làm nghề đồ tể thì anh tạo cái nghiệp ác. Anh làm nghề thuốc, nghề y thì anh gieo cái nghiệp thiện. Hành nghề y nhưng anh coi trọng đồng tiền hơn sanh mạng, sức khỏe con người, thì anh tự tạo cái ác nghiệp cho mình sau này. Làm quan nhưng không thanh liêm, tham ô, bóc lột, hà hiếp dân, không làm đúng chức trách, không làm tròn chức nghiệp của mình, thì anh tự tạo cho mình cái nghiệp ác vậy.

Tư tưởng đó có là do người miền Nam chuộng đạo lý, thờ trời phật, tin luật trả vay, luân hồi, “tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác”, “thiện ác đáo đầu chung hữu báo”.

(Tiếng nói miền Nam văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

Phong Hóa và Ngày Nay

Phong Hóa và Ngày Nay là hai tuần báo xuất hiện ở Hà Nội từ năm 1932 tới 1940, dưới chế độ Bảo Hộ, thuộc Pháp. Thoạt đầu tuần báo Phong Hóa do ông Phạm Hữu Ninh làm chủ, đã ra 13 số báo không có độc giả, sắp sửa phải đình bản (Khái Hưng và Đông Sơn Nhất Linh, có viết và vẽ cho tờ báo này). Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã mua lại và làm chủ bút, vẫn giữ trên mặt báo Phạm Hữu Ninh, Nguyễn Xuân Mai. Ông cùng một nhóm anh em bạn hữu gồm có Khái Hưng Trần Khánh Giu, Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, Tú Ly Nguyễn Tường Long, Thạch Lam Nguyễn Tường Lân, tạo thành một ban biên tập hoàn toàn mới.



Năm 1933, Phong Hóa có thêm Thế Lữ Nguyễn Đình Lễ, một nhà thơ, nhà văn mới. Tới giữa năm 1934, văn đoàn Tự Lực được thành lập với sáu thành viên: Nhất Linh, Tú Ly, Thạch Lam, Khái Hưng, Tú Mỡ và Thế Lữ.

Sau này Tự Lực Văn Đoàn thêm thành viên thứ bảy: Xuân Diệu.

(Phạm Thảo Nguyên/Phong Hóa-Ngày Nay)

Tương mạo con người qua ca dao, dân ca

Dái tai như hột châu thòng
Có thành, có quách, dày, hồng sắc tươi
Thiệt người phú quý thành thời
Phong lưu tao nhã trên đời chẳng sai

Những cái cũ & xưa nhất của Saigon

Tờ báo đầu tiên của Phụ nữ Việt Nam



Ngày 1/2/1918 tờ báo chuyên về Phụ nữ đầu tiên ra đời là tờ “Nữ Giới Chung” nhằm nâng cao trí thức, khuyến khích công nông thương, đề cao người Phụ nữ trong xã hội, chú trọng đến việc dạy đức hạnh, nữ công, phê phán những ràng buộc đối với Phụ nữ, đánh đổ mê tín dị đoan, động viên Phụ nữ quan tâm đến việc “Nữ quyền”. Muốn có vị trí ngang hàng với nam giới ngoài việc tề gia nội trợ phải am hiểu “tinh trong thế ngoài”.



Chủ bút tờ báo là nữ sĩ Sương Nguyệt Anh, *con gái nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu*, vốn có lòng yêu nước, yêu thương đồng bào như thân phụ nên khi làm báo bà có ý muốn làm diễn đàn để tỉnh thức lòng yêu nước trong dân chúng. Tuy chỉ tồn tại được hơn 6 tháng nhưng “Nữ Giới Chung” cũng đã gióng lên một hồi chuông nữ quyền còn vang mãi đến ngày nay.

Sài Gòn một chút quán xá

Quán cà phê Cheo Leo

Ông Cheo Leo mất trong năm 1993, lúc vừa tròn 75 tuổi, ngang bằng tuổi quán Cheo Leo hôm nay. Chị Sương dẫn chúng tôi vào nơi pha chế cà phê vọt, phía trong cùng của căn nhà chật hẹp. Cái lò nung để ủ nóng cà phê ngẫu nhiên như một kiệt tác nghệ thuật, với những dòng chảy nâu quánh kết tinh của 75 năm, không khác những dòng thạch nhũ trong hang động.



“Thuở đó cha tui đã tự làm cái lò nung này, từ cái thùng phuy chèn thêm lớp gạch pha với đường cát vàng hạt lớn. Chánh giữa lò nung để than lửa lên có ngọn đặng đun nước sôi. Nước sôi già mới đổ vào cái siêu, thứ siêu người ta thường đun thuốc Bắc. Cái siêu này để tẩm vải lọc, tức cái vọt, bỏ cà phê xay thiệt nhuyễn trong đó. Ủ kín một lúc, khi cà phê đã ra hết thì chất nước cà phê qua cái siêu khác, đặt bên rìa lò nung đặng giữ nóng lâu, hoặc chất liền vào ly phục vụ khách vừa tới quán.”



Tôi tỏ ý về sự chật hẹp của quán Cheo Leo, phục vụ cà phê một ngày không được nhiều khách. Chị Sương mỉm cười, nhỏ giọng: “Đắp đổi qua ngày là gia đình chúng tôi mừng rồi. Khách tới uống cà phê ở quán này là bà con lối xóm không hà, ít khi có khách từ xa tìm tới như mấy chú. Chẳng thể so sánh với thuở trước, thời VNCH đó. Cha tui biểu thời đó quán. Cheo Leo để máy ca hát rộn rã, khách ra vào quán suốt ngày. Có thời gian quán Cheo Leo mở cửa đón khách từ 4 giờ sáng tới 10 giờ đêm mới hết khách, đông nhất là giới sinh viên học sinh. Bây giờ tui còn gặp lại mấy người vào quán là khách từ thuở đó, khi là học sinh trường Pétrus Ký trường Chu Văn An. Nay mấy người đó đều là những ông già trên dưới sáu bảy chục tuổi.”



Tới quán Cheo Leo, tôi bùi ngùi nhớ lại một thời đã qua. Người bạn đặc biệt nhắc nhớ Sài Gòn ngày xưa, các bác tài sáng sớm chở vợ con trên xe xích lô máy, tới quán tiệm hủ tíu và cà phê bình dân. Ăn uống xong xuôi chở vợ con về, các bác mới bắt đầu một ngày chạy xe chở khách. Hầu hết tiệm bình dân Sài Gòn thuở ấy pha cà phê bằng vọt, như quán Cheo Leo còn tồn tại đến hôm nay. Giống một loài sắp tuyệt chủng, quán Cheo Leo càng làm xao lòng những khách hoài xưa, giữa vô số quán tiệm cà phê đủ kiểu hiện đại, mọc lên như nấm sau cơn mưa ở Sài Gòn.

(“Cheo Leo”, quán cà phê ‘xưa’ nhất Sài Gòn – Nguyễn Đạt)

Dùi đục chấm mắm cáy!

Trong cuốn “Thành ngữ tiếng Việt”, Nguyễn Lực và Lương Văn Đang thu thập hai dạng thành ngữ này và giải thích cùng một nghĩa là “không phù hợp, thô bạo, thiếu tế nhị”.

Trong thực tế giao tiếp hằng ngày, người ta thường nói “dùi đục chấm mắm cáy” hơn là “bầu dục chấm mắm cáy”. Tuy vậy “bầu dục chấm mắm cáy” lại là dạng ban đầu, dạng khởi thủy; còn “dùi đục chấm mắm cáy” chỉ là biến thể do đọc chệch “bầu dục” ra “dùi đục” mà thành.

Nghĩa của thành ngữ “bầu dục chấm mắm cáy” hình thành trên của sự chệnh lệch hay tính không tương hợp giữa thức ăn và gia vị. *Bầu dục là món ăn ngon và hiếm.* Chẳng thế mà trong kho thành ngữ, tục ngữ của Việt Nam còn có câu:

Sáng ngày bầu dục chấm chanh

Trưa gỏi cá chấy, tối canh cá chày

Vậy mà cái món ngon và hiếm ấy lại đem chấm với mắm cáy, một thứ mắm xoàng nhất, có thể nói là mạt hạng trong các loại mắm ở vùng biển. Bầu dục nếu ăn đúng cách phải chấm với chanh hay nước mắm gừng. Còn mắm cáy chỉ dùng để ăn với rau muống, dưa, cà...

Trong “Phú Việt Nam” có bài “Đàm tục phú”, một bài phú khuyết danh từ thế kỷ trước-khi phê phán những kẻ văn dốt, võ nhất nhưng lại ham muốn học đòi những người có khả năng kinh bang tế thế, cũng liên hệ đến sự chệnh chằng, không phù hợp giữa bầu dục và mắm cáy:

Chẳng chẳng như bầu dục mắm cáy, muốn bậc kinh luân
Chình chịch như khối đất nầm ao bèo, toan bề thao lược

Có thể là do những nét tương tự về ngữ âm giữa bầu dục và dùi đục mà xuất hiện biến thể “dùi đục chấm mắm cáy”. Và lại, biến thể này cũng cho phép có một cách giải thích khác của nó mà xem chừng cách giải thích ấy cũng có thể chấp nhận được.

(Nguồn: Kể chuyện thành ngữ tục ngữ)

Sài Gòn một chút quán xá

Quán cà phê Năm Đường

Đi qua ngã ba Nguyễn Kim và 3 Tháng 2 - Trần Quốc Toản ngày trước - ở quận 10, có lẽ cư dân Sài Gòn lứa tuổi chúng tôi ai cũng còn nhớ quán cà phê *Năm Đường* thuở trước, tọa lạc tại góc hai con đường này.



Quán cà phê Năm Đường hôm nay đã thay hình đổi dạng, mang tên quán là *Napoli Coffee*. Chúng tôi vẫn thỉnh thoảng tới đây uống cà phê, vừa để nhớ lại những chuyện ngày xưa, vừa thưởng thức cà phê đích thực, và ngắm nhìn quang cảnh ngã ba đường phố vào những sớm mai những hoàng hôn của Sài Gòn.

Nhắc tới cà phê Năm Đường thuở trước khiến chúng tôi nhớ luôn *quán cà phê Năm Đường*, ở một hẻm lớn của đường Nguyễn Thiện Thuật, gần khu Bàn Cờ. Sau 30 Tháng Tư, 1975, hầu hết quán cà phê nổi tiếng của Sài Gòn ngưng hoạt động. Quán Năm Đường còn hoạt động vài ba năm, rồi cũng thay hình đổi dạng, trở thành một khách sạn nhỏ.

Thuở trước, khách uống cà phê tại quán Năm Đường là bà con lao động; khách uống cà phê tại quán Năm Đường là giới sinh viên học sinh. Lúc đầu, cả hai quán chuyên pha cà phê bằng vợt, gọi là “cà phê bít tất,” như các quán cà phê bình dân khác tại Sài Gòn; và cả hai quán đã đi tiên phong trong việc pha chế cà phê bằng cái phin lọc, tức cà phê phin.

Từ lúc có doanh trại cảnh sát dã chiến thành lập ở đường Trần Quốc Toản, phía bên kia đường, đối diện quán, khách uống cà phê tại quán Năm Đường tăng lên gấp bội, gồm đông đảo cảnh sát dã chiến. Chúng tôi không nhớ rõ thời gian, nhưng vào khoảng năm 1967 - 68 gì đó, một vụ nổ lựu đạn do đặc công Việt Cộng khủng bố đã xảy ra tại quán cà phê Năm Đường, làm thương vong một số cảnh sát dã chiến và khách tại quán.

(Quán cà phê và “Hương ngày cũ của Sào Gòn” – Nguyễn Đạt)

Chơi chữ

Chơi chữ là các hiện tượng đồng âm, đa nghĩa,... trong ngôn ngữ nhằm gây một tác dụng bóng gió, châm biếm trong lời nói, trong đó ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cách,.. nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, ly thú.

Như từ kinh điển cổ, một bức trướng mừng thọ nọ ghi bốn chữ: “*tử tôn thằng thằng*” (con đàn cháu đống, ý khen là người có phúc). Nhưng người được chúc thọ vốn là một kếp hề trên sân khấu, và nguyên văn lời Hán có chứa “*tử tôn thằng thằng*” là “*chung tư vũ, hoẵng hoẵng hề, nghi nhĩ tử tôn thằng thằng hề*” (đại ý là: loài cào cào gán bó nhau, con cháu đông đúc).

Lời ấy không lấy gì làm tử tế (khi chuyển từ chuyện một loài sâu bọ có hại mà làm con sang chuyện người làm tử tôn) đã đành, lại thêm chuyện cùng âm với “thằng hề” thuần Việt, mà không ai có quen biết với chủ nhân (người được chúc thọ) lại không biết.

Nhưng đây là trong *Kinh thi*, hoàn toàn không mang ý như bức trướng nọ đã xuyên tạc. Khi đặt lời *Kinh thi* kia ra khỏi bức trướng, bốn chữ “*tử tôn thằng thằng*” rất trọn nghĩa; có điều, dữ liệu văn học được mặc nhiên thừa nhận trong sinh hoạt văn học, văn hóa nghệ thuật, nên cái

nghĩa trái ngược của lời *Kinh thi* ấy vẫn luôn xuất hiện sóng kèm (theo đúng ý đồ của người viết nên bức trướng).
Ở đây, hiện tượng chơi chữ đã xảy ra.

(Chơi chữ là gì? – Triều Nguyễn)

Chữ nghĩa làng văn

Có thể dựa vào câu *Thuốc Bách tính, đóm diêm (bao diêm), điều ống...* để đoán. *Diêm* là tiếng Bắc (trong Nam gọi là *quẹt*). Ngoài Bắc có *diêm* từ bao giờ?

Có từ ngày :

Em là con gái *nhà Diêm*

Đến tháng lĩnh tiền được bốn đồng hai

Một đồng em để cho giai

Hai đồng cho mẹ, đồng hai ăn quà.

(Ca dao ngôn ngữ Hà Nội)

Nhà Diêm là nhà máy làm diêm (*Manufacture d'allumettes*) của Pháp tại Hà Nội, nằm tại địa điểm nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo sau này. *Diêm* và *bao diêm* chỉ có sau khi Pháp đặt nền bảo hộ Bắc kỳ (1884).

(Nguyễn Dư)

Từ điển và từ ngữ Việt Nam

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

“Cửa đời muôn sự của chung”. Ý nói: Cái đáng quý không phải là của cải vật chất

Thực ra, ở đây ta có một liên lục bát:

Ở đời muôn sự của chung

Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi

Chữ đầu của câu lục («ở») đã bị Nguyễn Lân cải biên thành «cửa» rồi giảng theo ý riêng nên tất nhiên là... chẳng ăn nhập vào đâu cả.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Họ hàng hang hóc

Họ tên người có thể biến đổi bởi nhiều lý do, phạm húy, đó là trường hợp của *Phan Văn San phải đổi thành Phan Bội Châu* bởi trùng tên với tên húy Vĩnh San của vua Duy Tân. *Ngô Thời Nhậm* trùng với tên húy Hồng Nhậm Nguyễn Phúc Thi của vua Tự Đức phải đọc chệch thành *Ngô Thời Nhiệm*. Nguyễn Văn Thụy trùng tên với Vĩnh Thụy tức vua Bảo Đại phải đổi thành *Nguyễn Văn Thoại*. Nguyễn Văn Chương bởi lập được nhiều công trạng, được vua Tự Đức cải tên thành *Nguyễn Tri Phương*.

Đổi tên bởi thi hồng, như Nguyễn Thảng thi hội hồng lần đầu đổi tên thành *Nguyễn Khuyến* có ý tự khuyến khích mình học. Trần Duy Uyên hồng thi hương nhiều lần đổi tên là *Trần Kế Xương*, *Trần Cao Xương* và *Trần Tế Xương*.

(Chuyện phiếm về bút danh, nghệ danh – Nhật Thịnh)

Chữ Việt cổ

Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Khuyến phê: *chó sửa*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Chữ Nôm

Chữ Nôm gồm bên phải là chữ Nam: nghĩa là *phương nam*.
Bên trái là *bộ ngôn*: nghĩa là *nói* (hoặc *bộ khẩu là cái miệng*).

Như vậy Nôm là chữ ghi lời nói của người phương Nam, tức người nước ta.

(Tiến trình văn hóa VN – Nguyễn Khắc Thuần)

Phù điêu

Phù điêu (hay phù diêu) là những bức trạm nổi khắc chìm trên cánh cửa, quanh bộ thờ.

(Tiến trình văn hóa Việt Nam – Nguyễn Khắc Thuần)

Thóc

Thóc : *im ắng*
(im như thóc)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Giai thoại làng văn xóm chữ Câu đối

Một học trò nghèo, bữa kia phải đem áo đến cầm cho một nhà giàu, không ngờ nhà này lại là một ông quan hồi hưu. Ông quan trông thấy thương tình, bèn ra một vế đối thử tài:

Quân tử cố cùng, quân tử cùng quân tử cố

(Người quân tử bền lòng lúc cùng khổ, quân tử lúc cùng, quân tử bền lòng - Luận ngữ).

Khó ở chữ cố, vì đây lấy nghĩa nôm là cầm cố, ở chữ cùng, nghĩa nôm là cùng quẫn.

Anh học trò đối ngay:

Khổng Minh cầm túng, Khổng Minh túng, Khổng Minh cầm.

(Khổng Minh bắt, tha, Khổng Minh tha, Khổng Minh bắt - Tam quốc: Khổng Minh bắt Mạnh Hoạch bảy lần lại tha).

Tài tình ở chữ cầm, lấy nghĩa nôm cầm cố như trên, chữ túng nghĩa nôm là túng tiền, vừa đối chữ, vừa đối nôm.

Vị quan cấp ngay tiền cho, khỏi cần phải ... cầm với cố!

(Lăng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

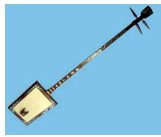
Đàn đáy



Vì ở thời Lý hay thời Lê âm nhạc của ta ảnh hưởng Tàu rất nhiều. Nhưng ca trù hay ở chỗ lại không giống Tàu một chút nào. Một cây đàn đáy Tàu

không có, một giọng hát Tàu không có, một cái phách Tàu cũng không có nốt. Mà so với Tàu thì ca trù cũng là một loại hình âm nhạc độc đáo.

Đó là có một á đào vừa hát vừa đánh phách, tiết tấu thì phức tạp, chỉ dành riêng cho ca trù, **đó là đàn đáy**. Đàn đáy có một đặc điểm là rất dài làm cho dây không căng lắm và dây lại chỉ được lắp từ nửa thân dưới trở xuống để có độ nhấn rung.



Có lẽ đàn được sáng tạo từ thế kỷ 15 với sự định hình của thể loại hát nói trên. Ngày nay đàn đáy còn được dùng để đệm cho ngâm thơ. Bởi tính chất khiêm tốn, nhũn nhặn của tiếng đàn trong khi đệm cho hát, có người đã ví **đàn đáy như một “triết gia ẩn dật”**.

Thứ nữa là **trống chầu** làm cho âm nhạc khúc triết, hấp dẫn hơn. Trống chầu biết chỗ nào ngắt câu, chỗ nào ngắt khổ; đó là trống khen, chê. Khen một câu hát hay, một tiếng đàn hay, chê một giọng hát dở, một tiếng đàn dở..., khen, chê đồng nghĩa giải thích cho người nghe chỗ này hay đấy, chỗ kia dở đấy!

(Nghệ thuật ca trù – Bùi Đệp)

Đình Bảng, kiến trúc độc đáo Kinh Bắc

Sau khi xây dựng xong, đình Đình Bảng **chưa thờ các vị thành hoàng ngay mà thờ hai cặp vợ chồng chết trong tư thế lạ**.

Ngày ấy, khi đình làng chưa được xây dựng, bên cạnh khoảng đất để xây đình có một ngôi miếu nhỏ cạnh cây đa cổ thụ có hai cặp vợ chồng nọ sinh sống. Không ai biết hai cặp vợ chồng này là người ở đâu đến, chỉ biết họ sống trong ngôi miếu được một thời gian khá lâu. Sáng sớm họ đã ra khỏi miếu, tối đến về miếu ngủ. Ngày nào cũng như ngày nào, bỗng một hôm, họ không ra khỏi miếu nữa.

Thấy lạ, dân làng nhìn vào miếu bỗng phát hiện hai cặp vợ chồng này chết trong tư thế **chồng nằm trên, vợ nằm dưới, bộ phận sinh dục của hai người dính chặt nhau**. Chưa bao giờ gặp phải cảnh này, dân làng cho là điềm lạ lập miếu thờ làm **thần hoàng làng**. Sau khi xây dựng đình, dân làng chuyển họ sang đình để thờ.

Bắt nguồn từ tích này, vào ngày 13 của ngày mở hội, dân làng Đình Bảng **cúng hai con lợn đã thịt nhưng chưa luộc chín (một con cái, một con đực) đặt chồng lên nhau**. Sau khi cúng xong, số thịt này được chia đều cho dân làng theo cấp bậc đã phân. Tuy nhiên khoảng 20 năm trở lại đây, hai con lợn sống ấy được thay thế bằng **hai cái đầu lợn đã luộc chín**.

(Võ Quang Yển)

Sông Tô Lịch - 1

Ai cũng nghĩ Tô Lịch là thủy danh, tức là tên sông. Trong khoa học định danh học có phân ra nhân danh, sơn danh, địa danh, thủy danh... Tô Lịch nay được biết là tên sông và ai cũng nghĩ nó là **thủy danh**. Nhưng hoàn toàn sai.

Đó là một nhân danh. Đó là **một tên người**.

Và đây là một nhân vật lịch sử đàng hoàng, có tiểu sử, có công tích, được chép vào chính sử. Ngoài ra chưa kể đến những thành tích, ngọc phả, thần phả, những nghi lễ thờ cúng rồi thì lễ hội... để thờ nhân vật lịch sử **họ Tô tên Lịch**.

(Lê Văn Lan)

Pháp danh

Tu hành thì có **pháp danh**, khác với cái tên đã thường dùng trước khi xuất gia gọi là **tục danh**, cũng có khi gọi là **thế danh**, là tên ở ngoài đời, bởi đạo khác hẳn với đời .

Đã là pháp danh thì thường có ý nghĩa thanh thoát, không còn dính líu gì đến cuộc đời ô trọc nữa (Chân Tâm, Nguyễn Thiện, Trí Tịnh, Diệu Liên ...).

(Tản mạn về cái tên – Thân Trọng An)

Ông Tô Lịch - 2

Điều quan trọng tiếp theo là người đứng đầu của ngôi làng đó, ấy là *một người họ Tô tên Lịch*. Sử cũ viết về thời đầu Công Nguyên có chép rõ: “Đây là người đứng đầu Long Đỗ hương. Có lòng nhân ái, không những cai quản tốt mà gặp lúc đói kém, Tô Lịch đã xuất của trong nhà ra giúp cho nạn dân. Vì thế rất được tin phục. Đến khi chết thì được tôn làm thành hoàng.”

Tức là từ một nhân vật có thật trong lịch sử, ông Tô Lịch trở thành một *nhân thần*. Trong việc phân chia thế giới thần linh, chúng ta có hai loại nhiên thần và nhân thần, thần gốc tự nhiên và thần gốc người. Ông Tô Lịch là nhân thần và là thành hoàng của làng cổ ở Hà Nội hôm nay. Long Đỗ hương có đặc trưng là một gò đất cao và có một dòng nước uốn lượn ở bên làng. Dòng nước ấy vào 2.000 năm trước chưa có tên. Khi ông Tô Lịch qua đời, dòng nước uốn quanh đó, vốn là nguồn cung cấp nước cho làng, được mang tên Tô Lịch. Từ đó mà ra đời *sông Tô Lịch*.

(Lê Văn Lan)

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Nguyễn Công Hoan - 1

Nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đã không tiếc lời ca ngợi Nguyễn Công Hoan về nghệ thuật lẫn về tư tưởng: Ông xếp Nguyễn Công Hoan bậc nhất trong các cây bút tả chân.

Tất cả tiểu thuyết của Nguyễn Công Hoan đều là những tiểu thuyết tả thực về phong tục Việt Nam về hạng trung lưu và hạng người nghèo. Ông quan sát hết sức kỹ lưỡng và rất đúng, sự nhận xét của tác giả thật tinh vi. Đọc ông người ta không bao giờ phải phàn nàn rằng nhà văn cứ quanh quẩn trong mấy đầu đề như nhiều nhà văn khác... Nhưng đối với xã hội chủ nghĩa thì ông hết đất sống. Ngòi bút của *ông bị Tố Hữu bẻ gãy và chìm xuống đất đen, để cho hãnh ngại lên làm thần tượng giả* của nông dân trong mấy chục năm trời với *Từ Ấy, Việt Bắc và Gió Lộng*.

Nguyễn Công Hoan chẳng khác nào một cái cây đang mọc trên đồng bị bứng đem đi trồng trên núi đá. Nguyễn Công Hoan chỉ còn cách tự trào cho qua ngày đoạn tháng! Vào những năm cuối đời, ông có cố gắng làm ngọn đèn trước khi tắt. Ông đã viết luôn hai quyển: *Hồn Canh Hồn Cu, Tranh Tới Tranh Sáng* để mô tả Cải Cách Ruộng Đất và nông thôn sau Cải Cách Ruộng Đất, nhưng cả hai đều không phải Nguyễn Công Hoan của *Bước Đường Cùng* trước 1945. Điều đó làm người ta tự hỏi.

Với Tự Lực Văn Đoàn thì Tố Hữu không hết lời mạt sát, còn coi đó là văn học phản động. Chính Viện Văn Học lại kỷ niệm Thạch Lam... nhưng tuyệt đối không nhắc tới Nhất Linh và Khái Hưng là chủ tướng của *Tự Lực Văn Đoàn*.

(Xuân Vũ)

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Lỗ mũi mỏng, đầu cong, nhọn hoắc
Ác lòng tham, hiểm độc gian phi
Tướng này đức đã suy vi
Nếu không tu thiện, hậu thì khó toan

Tự Lực Văn Đoàn

Các thành viên Tự Lực Văn Đoàn với phong cách viết khác nhau, nhưng đều sử dụng một loại văn mới mẻ, giản dị nhẹ nhàng dễ đọc, trong những tác phẩm có nội dung mới, lý thú, hợp khẩu vị dân chúng, đã nhanh chóng thu hút độc giả. Văn Đoàn đã thực sự cải tiến cách viết chữ Quốc Ngữ, giữa lúc lối văn biền ngẫu sáo rỗng vẫn còn thống lĩnh văn chương Việt Nam, với quá nhiều từ Hán - Việt, và chứng tỏ rằng chữ viết mới có đủ khả năng diễn tả tất cả mọi tình huống của cuộc đời. Các thành viên Tự Lực Văn Đoàn mỗi người đều tự tạo ra một sự nghiệp văn chương lừng lẫy trên các báo Phong Hóa và Ngày Nay, họ được ca tụng là những văn hào, thi bá xứng đáng của dân Việt.

Nhất Linh là người có "cặp mắt xanh", sớm nhìn ra từng sở trường, sở đoản của anh em, nên tạo điều kiện giúp anh em tiến nhanh, tiến vững trong nghề nghiệp.

Cụ thể, Tú Mỡ là bạn thân của Nhất Linh, nhưng khi đọc bài phóng sự của Tú Mỡ, Nhất Linh phê bình ngay: "Dở quá, anh nên chuyên về thơ trào phúng, tốt hơn!. Cho nên Tú Mỡ chỉ tập trung viết thơ trào phúng, phụ trách chuyên mục Mực Dòng Nước Ngược. Và thơ trào phúng của Tú Mỡ được nhiều thế hệ yêu thích. (Lâu lâu Tú Mỡ cũng có một bài phóng sự vui)

Có lần Thế Lữ kể lại (theo trí nhớ): Khi làm việc trong tòa báo, ông phải lọc các bài gửi đăng, có lần thấy một bài dở đã loại ra. Nhưng khi báo in, lại thấy bài đó xuất hiện! Hỏi ra, thì chính là Nhất Linh nhặt lại, với lời bình: "Độc giả thích loại này!"

Kiểm lại, đúng thật, bài đó được nhiều lời khen của người đọc.

Riêng với Thế Lữ, việc *trở thành tác giả viết truyện trinh thám là do Nhất Linh!* Vì Nhất Linh đưa ý kiến: "Bây giờ là lúc báo cần có truyện trinh thám để thay đổi món ăn, anh Thế Lữ viết được loại này. Anh nên viết đi!".

(Phạm Thảo Nguyên - Giới thiệu Phong Hóa-Ngày Nay)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Nếu biết rằng em đã lấy chồng
Anh về cạo sạch hết tóc lông
Cà-sa anh khoác, kính anh tụng
Chuyện đời bỏ hết với "sắc, không"

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Nguyễn Công Hoan - 2

Tôi đọc truyện *Oán tà roản* của ông lâu lắm. Không nhớ là bao lâu nhưng vẫn còn nhớ cốt chuyện.

Một cặp vợ chồng nọ rất đẹp đôi. Lần đó bà vợ có thai. Ông chồng hi vọng sẽ đẻ ra một *thiên thần con*, khi nghe tiếng khóc oe oe, ông được phép vào xem mặt con, thì than ôi, đứa bé đen như than hầm. Ông chồng thất vọng ôm mặt chạy ra.

Ông không nghi ngờ vợ ngoại tình với ai, nhất là với một anh Tây đen nào đó. Đúng ra ở trong chung cư có một anh Tây đen. Hai vợ chồng ông ở tầng lầu còn anh Tây đen thì tầng trệt. Vì thế những người láng giềng nhìn thấy mặt nhau luôn. Đặc biệt người đàn bà thì rất sợ bộ mặt kinh hoàng của anh Tây đen.

Một bác sĩ tâm lý nhận định rằng sự sợ hãi đó đã gây một ấn tượng càng ngày càng sâu sắc cho người đàn bà và vì thế mà bà ta sinh ra một *Oán tà roản*. Anh chồng tin như vậy, để tìm lấy một sự an ủi, nhưng vẫn đau khổ mỗi khi trông thấy *Oán tà roản*.

(Xuân Vũ)

Chữ và nghĩa

Em ơi đừng lấy thợ cưa
Có hai hòn d...đong đưa suốt ngày

Đã có một thời...

Vĩnh biệt Hoàng Anh Tuấn

Ngoài ra, anh còn viết feuilleton ở một số tuần báo và nhật báo của Sài Gòn thời đó. Nhưng khối ông chủ báo rên la vì cái tật hứng thì viết, không thì bỏ. Hầu như ít có truyện dài nào anh viết hết cho đến nơi đến chốn, nên rất hiếm truyện dài nào được xuất bản. Lối viết của anh khá hấp dẫn, độc giả cũng chịu đọc lắm, nhưng mỗi khi gặp đoạn “khó nhai” là y như anh tạm ngưng hoặc ngưng luôn. Người viết truyện dài nào, cũng gặp những lúc như thế này, phải cố gắng vượt qua. Nhưng Tuấn hay nản, nên bỏ ngang. Tôi rất tiếc vì điều này, nếu không thì Hoàng Anh Tuấn cũng có nhiều tác phẩm rất hay được xuất bản.

Lâu lâu lại thấy xuất hiện một bài thơ của Hoàng Anh Tuấn trên báo khiến anh em sửng sờ. Vì thơ Tuấn hay quá. Có thể nói bài nào cũng hay. Đã có người so sánh với Nguyên Sa, Đinh Hùng, nhưng với tôi, thơ Tuấn có cả tính chất Nguyên Sa, Đinh Hùng và rất Hoàng Anh Tuấn. Chữ nghĩa mới, không trau chuốt cầu kỳ, nhưng lại rất rung động, đi thẳng vào cội nguồn trái tim người thường ngoạn. Cái cung bậc sâu thẳm trong tình yêu được đánh thức dậy đến bàng hoàng.

(Văn Quang)

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Những người thất đày lưng ong
Vừa khéo chiều chồng, lại khéo nuôi con.

Đã có một thời...

Thanh Tâm Tuyền

Cuộc sống có ảnh hưởng đến *Tôi không còn cô độc?*

Thêm một điều nữa cũng từ nguồn tin trên, do thi sĩ Đinh Hùng tiết lộ từ lâu, ngay từ hồi còn nhỏ Thanh Tâm Tuyền đã sống rất cô đơn vì bố mất sớm, ông sống cùng mẹ và dưỡng trong nỗi buồn sâu thẳm. Tôi không tọc mạch đi sâu hơn vào đời sống riêng tư của anh. Tôi chỉ ghi lại điều này để may ra có thể giúp phần nào cho các bạn làm công việc nghiên cứu sau này.

Tác phẩm *Tôi không còn cô độc* của anh ra mắt vào năm 1955, gây một chấn động trong làng văn học miền Nam VN. Người khen cũng lắm, người mỉa mai cũng nhiều. Đó là quyền của người thường ngoạn. Nhưng rồi người ta vẫn cứ phải công nhận cái giá trị văn học của nó. Như một cột mốc đánh dấu cho sự vượt thoát của thi ca. Phải chăng tác phẩm ấy là do ảnh hưởng của một tâm sự từ thuở ấu thơ cho đến khi trưởng thành? Nó dồn nén, nổ tan, bay múa như những chùm pháo hoa đêm giao thừa của tuổi thanh xuân. Nhưng dù sao tôi không dám khẳng định những điều trên là hoàn toàn đúng.

Công việc này xin để các nhà phê bình văn học luận bàn thêm.

Tôi và những người bạn của anh còn ở lại Sài Gòn chỉ xin thấp một nén nhang cho một nhà văn lớn vừa từ giã chúng ta ra đi và xin gửi lời phân ưu đến tang quyến. Vào những ngày vừa qua, ở vài tiệm cà phê Sài Gòn, lẫn lộn phe ta, phe tây, phe nó cũng có nhiều người vẫn còn nhớ đến nhà thơ, nhà văn và nhà giáo Thanh Tâm Tuyền.

Hình ảnh anh như còn mãi vương vất nơi đây.

(Những khoảnh khắc với Thanh Tâm Tuyền – Văn Quang)

Đừng tưởng

Đừng tưởng cứ nghèo là hèn...
Cứ sang là trọng, cứ tiền là xong

(Bùi Giáng)

139 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Chủ nhiệm báo Văn là ông Nguyễn Đình Vượng rất ưu ái nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, song một hôm vì tới tới báo Văn gạ chuyện mà ông gọi anh và tôi là hai gã playboy. Lúc ấy có mặt Mai Thảo, chắc Hoàng còn nhớ.

Vốn là cuối tháng 4 đầu tháng 5, 1969, nơi trang 80 trong số Văn tưởng niệm Y Uyên mới gục ngã trên trận địa gần đồi Nora, Phan Thiết, thư ký tòa soạn Trần Phong Giao đã sơ ý phát biểu một lời xúc phạm tới phụ nữ Huế. Trần Phong Giao đã, lạ thay, quá tự tin ở sự phán đoán của mình khi khuyên một nhà văn trẻ đừng lấy gái Huế: “ái tình (...) thì được, còn cái mục xây dựng thì đừng, ấy là dựa theo kinh nghiệm bản thân cũng là đúc kết kinh nghiệm của một vài anh em có vợ Huế khác”.

Hai nhà văn nữ gốc Huế là Túy Hồng và Nhã Ca đã gửi lá thư cho trang “Văn Học Nghệ Thuật” nhật báo Tiền Tuyền, do Thanh Tâm Tuyền phụ trách; một lá thư ngỏ kể tội Trần Phong Giao khinh nhờn xứ Huế, cào xước quê hương xứ Huế, và tuyên bố chấm dứt cộng tác với báo Văn. Thời gian ấy tôi nhận lời mời của đại tá Anh Việt Trần Văn Trọng, chủ tịch Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội, làm thư ký tòa soạn Khởi Hành mới được ba tuần, nhưng từ 1966 tới lúc ấy vẫn đang là thư ký tòa soạn nhật báo Tiền Tuyền của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị. Khi kiểm soát bài vở tôi khựng lại ở trang văn nghệ, rồi đề nghị với Thanh Tâm Tuyền: để cho có hiệu quả, thư của các nữ sĩ này phải đăng lên Khởi Hành, là báo văn học nghệ thuật. Tôi trả nhuận bút lá thư 500 đồng, nhờ anh gửi cho hai bà ấy. Từ Cục Tâm Lý Chiến trên đường Hồng Thập Tự, tôi chạy ra Khởi Hành trên đường Phạm Ngũ Lão, đọc bỏ một bài đã đồ khuôn chì, cho sắp chữ thay thế bằng lá thư của hai nữ sĩ. Thư đề “Kính gửi Anh Trần Phong Giao, TKTS báo Văn,” nhưng tôi đặt lại tựa, in chữ lớn ngoài bìa báo: “Túy Hồng, Nhã Ca lên tiếng về một nhận định của báo Văn đối với gái Huế.”

Hôm sau báo phát hành. Đó là Khởi Hành số 3, ngày 15.5.1969, và bài đó in nơi trang 2, chạy qua trang 3. Vào Tiền Tuyền, Thanh Tâm Tuyền đưa trả tôi 500 và đòi lại lá thư, tôi đưa anh tờ Khởi Hành còn thơm mùi mực in, nói anh quên hôm nay là thứ năm rồi à? Báo đã phát hành sáng nay. Thanh Tâm Tuyền có vẻ hối tiếc: “Tôi quên là tôi cũng viết báo Văn, ông Vượng (chủ nhiệm báo Văn) rất quý tôi, lẽ ra tôi không nên đưa cho bạn lá thư đó. Nhưng mà làm báo như bạn mới là làm báo!”

(Nguyễn Xuân Hoàng, từ thơ đến văn - Viên Linh)

Văn hóa chữ

Hôm nay ngồi buồn tôi mở máy vi tính, thử mở Từ điển Lạc Việt, tra hú họa chữ Chửi xem sao. Đây là *Chửi mắng, Chửi bới, Chửi đổng, Chửi nhau, Chửi rửa, Chửi thảm, Chửi thề, Chửi tục!*

Lại còn *Chửi bang quơ, Chửi vu vơ, Chửi thạm tệt! Chửi thương, Chửi yêu.*
Chưa hết, có cả *Chửi bóng Chửi gió, Chửi chó mắng mèo, Chửi như tát nước, Chửi như vật thối, Chửi vuốt mặt không kịp nữa!*

Và chẳng thể thiếu vắng *Chửi mất gà!*

(Văn hoá chữ – Hà Sĩ Phu)

Chuyện bây giờ mới kể

Trong hoạ có phúc, không được in thì lại được tiếp chuyện các bậc đàn anh nhiều hơn.

Kim Lân phát mạnh vào vai tôi (Vũ Thư Hiên):

“Mặc mẹ nó! Được Tố Hữu đập, coi như “lúy” công nhận ông có chiếu trong làng văn. Hay chứ không dở”.

Nói thế, Kim Lân phải tin tôi lắm. Câu ấy mà đến tai Tố Hữu thì lời thôi to. Được Kim Lân tin, tôi sướng âm ỉ. Hiền lành một cục, thận trọng cũng một cục, thế mà rồi có lúc anh cũng bị nện cho một trận với truyện ngắn “Con chó xấu xí”. Người ta nói tác giả ví văn nghệ sĩ trung thành với đảng như con chó ghê xấu xí nọ, nó gắng sức giữ nhà cho chủ, thế mà vừa trơn lông đồ da là chủ vật ra làm thịt. Một truyện ngắn hay, giọng văn mộc mạc, khó có thể tìm được một câu được hiểu là móc máy.

Hồ Dzếnh nắm chặt tay tôi, bóp bóp vài cái. Ấy là anh khen đấy, Thanh Châu giải thích. Anh ý nhị nhìn tôi, cười tủm tỉm. Sau mới biết Hồ Dzếnh ít khi tỏ thái độ khen chê. Anh là người kín kẽ. Thanh Châu nói về Hồ Dzếnh: “Của hiếm trong văn học. Bút pháp của ông ấy tôi muốn học cũng không được – là văn đấy, mà cũng là thơ đấy”.

Hồ Dzếnh là một nhân vật đặc biệt. Đặc biệt ở chỗ anh lặng lẽ đến, lặng lẽ leo lên, rồi trầm ngâm nhăm nháp trà quạu, không nói không rằng. Lối viết của anh là trách nhiệm và sự nghiệp của nhà văn. Viết cái gì, viết thế nào, đã có đảng cầm tay chỉ việc.

Mặc dầu không dính dáng gì với đám phản động “Nhân Văn – Giai Phẩm”, nhưng anh vẫn bị người ta nhìn bằng cặp mắt nghi ngờ. bọn văn nghệ sĩ cũ không thể tin, lũ ấy kém mười lăm phút đầy phản động. Để yên thân, thỉnh thoảng anh có một bài thơ nhạt nhẽo trên tờ Lao Động. Anh không bao giờ nhắc đến chúng.

(Vũ Thư Hiên)

Chơi chữ

Chơi chữ là các hiện tượng đồng âm, đa nghĩa,... trong ngôn ngữ nhằm gây một tác dụng bóng gió, châm biếm trong lời nói, trong đó ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cách,.. nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, ly thú.

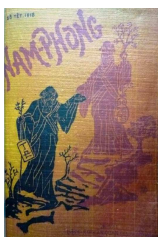
Có một ông vốn thợ cưa, sau gặp thời trở nên giàu có, mua được phẩm hàm, bèn mở tiệc ăn khao. Trong số những câu đối, hoành phi đưa đến mừng, có bức trướng đề ba chữ “**ăn cơm vua**”. Nghĩa bức trướng phù hợp với phẩm tước vua ban.

Nhưng nhiều người đọc lại tủm tỉm cười vì một ý khác. Ý này gọi lên cái nghề cò cưa thườ khó nghèo của ông ta, do lời đồng dao “Kéo cưa lừa xê; Ông thợ nào khỏe; Thì **ăn cơm vua**; Ông thợ nào thua; Thì về bú tí!...” mà có.

(Chơi chữ là gì? – Triều Nguyễn)

Những tờ báo quốc ngữ đầu tiên

Tờ báo Tết đặc biệt đầu tiên



(Bìa ngoài của *Nam Phong* – số Tết 1918, tờ báo Tết đầu tiên của Việt Nam)

Đầu năm 1918, tờ *Nam Phong tạp chí* với ấn phẩm đặc biệt “Số Tết 1918” trở thành tờ báo Tết đầu tiên, mở màn cho truyền thống làm báo xuân trong làng báo Việt Nam.

Đây là ý tưởng của chủ bút trẻ Phạm Quỳnh, khi tờ *Nam Phong* vừa ra mắt

được 6 tháng.

(SNG Paris – Một tài liệu hiếm)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Ngôn ngữ (tiếng nói), chữ viết là kho tàng của văn hóa. Tiếc thay văn học miền Nam đã không được đánh giá đúng mức. Đóng góp của văn học miền Nam đã không được trân trọng. Trong học trình trung học phổ thông đến khi tôi đậu xong tú tài hai, đã không có giảng dạy, đề cập đến các tác phẩm của nhà văn tiền phong ở miền Nam như Hồ Biểu Chánh.

Học trình *trung học đệ nhị cấp ở miền Nam có giảng dạy tác phẩm trong Tự Lực Văn Đoàn* như Đoàn Tuyền, Anh Phái Sống...và bài viết của Phan Kế Bính, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh (Nam Phong Tạp Chí). Nhưng không hề giới thiệu các tác phẩm đậm đà tình nghĩa con người và xã hội, phong tục, đạo lý đặc sệt miền Nam như “Ngọn Cỏ Gió Đùa”, “Số Phận Linh Đình”, “Con Nhà Nghèo” “Cay Đắng Mùi Đời” v.v.. của nhà văn tiền phong miền Nam Hồ Biểu Chánh. Văn hóa, đời sống, phong tục miền Nam gói ghém trong giọng văn mộc mạc, nhưng chính xác, và bác học của Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Ký, Hồ Biểu Chánh và bao nhiêu nhà văn, nhà báo khác đã không được giảng dạy cho học trò miền Nam ở bậc trung học.

(Tiếng nói miền Nam văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

Văn bia, cuốn gia phả bằng đá

Vậy ai là người viết văn bia?

Hầu như những người viết văn bia là người có học và có uy tín với dòng họ cần tạo bia.

Chẳng hạn như:

- Hoàng Giáp Nguyễn Tự Giản người làng Du Lâm, Đông Ngàn, soạn bia 1882 cho Nhà thờ họ Phạm ở Đông Phan, Quảng Nam.

- Tiến sỹ Nguyễn Thuần Phu khoa Đinh Sửu (1637) chức Lễ bộ hữu thị lang tước Phương Lộc bá cùng Vũ Quang Đại Nội doanh Công bộ công trình viên ngoại, tước văn minh tử cùng nhau soạn bia tạo năm 1651 cho họ Ngô ở Trảo Nha, tỉnh Hà Tĩnh.

- Tiến sỹ Nguyễn Nghiễm (thân sinh Nguyễn Du, tác giả Truyện Kiều) tước Xuân nhạc hầu, tiến sỹ khoa Tân Hợi (1731), tham tụng, công hộ thượng thư, kiêm quốc tử giám tế tửu đã soạn văn bia cho họ Nguyễn ở Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh.

- Ngô tiến sỹ đậu năm 1766 và Phan tiến sỹ đậu năm 1754 cùng soạn văn bia tạo năm 1767 cho họ Nguyễn ở Phú Đa, Vĩnh Phú.

(Nguyễn Văn Hoa)

Sài Gòn một chút quán xá

Quán cà phê Năm Dường



Ông Didier Corlou, người Pháp sống nhiều năm tại Việt Nam, từng phụ trách ẩm thực trong hệ thống khách sạn lớn bậc nhất của Hà Nội, bảo rằng điều tuyệt hảo nhất ở đây là uống cà phê phin trong thời tiết mùa đông Hà Nội. Cho vào vài cục nước đá, uống trong thời tiết nóng bức cũng thật sảng khoái. Chát cà phê đậm đà, hương thơm đặc biệt, thật thú vị như được uống cà phê tại chính xứ sở của ông. Didier Corlou đã gọi cà phê ở Việt Nam là “hương gây mùi nhớ” Cà phê Việt Nam khiến ông nhớ nước Pháp.

Thế nên khi ghé Sài Gòn, vào một số quán cà phê mà đối tượng khách uống là giới trẻ thành phố, ông đã thất vọng. Giới trẻ Sài Gòn hôm nay có nhịp sống gấp gáp, họ không có đủ kiên nhẫn để chờ từng giọt cà phê đậm đà nhỏ xuống ly tách. Ông vô cùng tiếc khi giới trẻ ở đây chỉ cần uống thứ cà phê gọi là cà phê, với thứ cà phê được pha chế sẵn. Ông ngạc nhiên sao

giới trẻ bây giờ không quan tâm tới vị cà phê đích thực, nhỏ xuống những giọt cô đọng qua chiếc phin lọc.

Uống cà phê tại Napoli Coffee - Năm Đường xưa, chúng tôi nhớ lại hương ngày cũ, tại các quán cà phê Sài Gòn thuở trước: Thu Hương ở Hai Bà Trưng - Hân ở Đinh Tiên Hoàng, Nhân cùng ở Lý Thái Tổ - Phong ở Nguyễn Thiện Thuật... Điều cần nói tới là chất lượng cà phê, cà phê thật hay cà phê dỏm: Đây là chuyện của hôm nay, ở đa số quán cà phê tại Sài Gòn.

(Quán cà phê và “Hương ngày cũ của Sào Gòn” – Nguyễn Đạt)

Chữ nghĩa câu đối

Anh tiểu thương thương chị tiểu thương, thương rồi lại tiểu, tiểu rồi lại thương.

Anh cứu thương thương chị cứu thương, thương rồi lại cứu, cứu rồi lại thương

Sài Gòn một chút quán xá

Tiệm phở kỳ cựu nhất Sài Gòn



(Phở gánh Hà Nội)

Theo nhà văn Tô Hoài, ở Sài Gòn năm 1940 chỉ có hai chỗ bán phở Bắc. Một là ở hẻm đường Espagne tức đường Lê Thánh Tôn hiện nay và một ở Chợ Cũ (khu vực đường Hàm Nghi).

Rồi đến năm 1950, tức là 10 năm sau đó, phở Bắc có thêm mỗi một tiệm ở đường La Grandière (Lý Tự Trọng), chứng tỏ người Sài Gòn chưa quen với món phở đến từ Hà Nội. Thời đó chỉ có công chức, tư chức gốc Hà Nội đang làm việc ở Sài Gòn mới ăn sáng bằng phở Bắc.

Nếu đến tiệm phở Cao Vân trên đường Mạc Đĩnh Chi, bạn sẽ bắt gặp một cụ già ngồi ở góc trong cùng của tiệm. Tuy đã 90 tuổi nhưng ông Phồn vẫn còn rất minh mẫn.

Tô phở ở đây đầy đặn, nhiều thịt. Không như với nhiều tiệm phở khác, lò nấu phở ở đây **nấu bằng củi** chứ không bằng than tổ ong hay bằng bếp ga, bếp được quây kín và có ống khói thoát lên trên trên. Ông Phồn cho rằng “dùng củi hầm xương cho nước dùng tốt nhất vì đảm bảo về nhiệt độ, không làm ô nhiễm không khí quán ăn và người nấu”



“Ngày đó, phở 3 đồng một tô và khách tới ăn toàn là khách sang. Thời xưa, chỉ nhà khá giả, trung lưu mới có tiền đi ăn phở”.

Ông Phồn hồi tưởng lại một chặng đường dài... Nồi nước phở không có gì khác ngoài xương bò và sá sùng Quảng Ninh. Sau này vào Sài Gòn, ông không dùng sá sùng để nấu được vì chỉ có sá sùng Nha Trang vị hơi tanh, không nấu được

Sinh ra tại Hà Nam, lớn lên ông Phồn theo anh trai đi bán phở ở Ngã Tư Sở (Hà Nội) những năm 1930-1940. Thời đó, hai anh em thuê một cái nhà nhỏ và để xe phở ở đó, người bán chỉ bỏ thịt và gia vị vào tô phở, **khách sẽ tự chan nước dùng vào tô rồi kiếm chỗ ngồi ăn**. Mỗi ngày nấu chỉ một nồi phở, bán hết là nghỉ.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân

từ vị 辭彙

Trước đây, từ điển thường được gọi là tự vị hoặc cũng có người gọi là từ vị. Soạn giả cũng cho rằng, từ vị nghĩa là từ điển.

Điều đáng phàn nàn là, ông chỉ căn cứ theo âm để đoán nghĩa nên đã cho rằng, vị nghĩa là nói. Hoàn toàn sai. Tất cả mọi từ điển chữ Hán của Trung Quốc và của các soạn giả Việt Nam đều không có quyển nào dùng chữ vị ấy. Chữ vị này vốn có âm là hội. Ở Trung Quốc nó chỉ có một âm là hui (đọc là huây, tương ứng với âm “hội” của ta) còn ở Việt Nam lại có thêm hai âm nữa là vị và vụng, nhưng nghĩa vẫn không thay đổi.

Theo từ điển Từ nguyên, chữ này có ba nghĩa: đồng loại; phồn thịnh; con nhím. Phải chăng, vì con nhím có tên là “vị” 蝟 nên cha ông chúng ta cũng đọc chữ hội này là vị. Ngoài ra, có lẽ vì chữ “hội” hoặc “vị” 彙 này xem qua thì hơi giống chữ “vụng” 暈 nghĩa là “vàng” nên có người đã đọc nhầm rồi trở thành thói quen, tương tự như trong trường hợp người ta đã đọc nhầm chữ thung với chữ xuân 椿. Hiện nay, hầu như không ai dùng từ từ vị 辭彙 với nghĩa như từ điển nữa.

Giới ngôn ngữ học hiện nay dùng từ “từ vị” 辭位 (trong đó, vị nghĩa là vị trí, là đơn vị) với nghĩa là “đơn vị cơ bản có nghĩa, và là yếu tố cấu trúc của ngôn ngữ, thường tương đương với từ”.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Chữ Việt cổ

Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Ri: *rùng*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

Thôi

Thôi : một khoảng thời gian
(*một thôi một hồi*)

(Từ điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Ta bà

Ta-bà (cũng tức là *Sa-bà*) là cảnh giới còn nhiều đau khổ mà chúng sinh phải hứng chịu. Người tu hành trong cảnh Ta-bà phải nhẫn nhục, cho nên, cảnh ta-bà cũng có khi gọi là *nhẫn thổ*.

(Tiến tình văn hóa Việt Nam – Nguyễn Khắc Thuần)

Gió bắc, gió nồm

Gió bắc là *gió bắc*. Gió nồm là *gió nam*

Nhà Minh bãi bỏ bế quan tỏa cảng, các thương thuyền người Hoa từ Quảng Đông, Hải Nam tập nập đi thuyền về hướng nam ghé nước ta. Dựa theo *gió bắc vào mùa xuân*, họ đến trao đổi hàng hóa và đợi đến *gió nam vào mùa hạ*, họ dương buồm trở về bắc.

Gió bắc *thổi về...nam*. Gió nam *thổi về...bắc*.

Sông Tô Lịch - 1

Núi Nùng



Nhiều người vào vườn Bách Thảo, thường chỉ tay vào gò đất cao cao ở đó mà giới thiệu như một sự hiểu biết đáng tự hào về lịch sử Hà Nội:

– “Biết núi Nùng nổi tiếng ở đâu không? Kia kia!”

Đó là một sai lầm chết người.

Ngọn núi trong vườn Bách Thảo bị nhầm là núi Nùng, có tên ghi vào các văn tự cổ, bản đồ cổ là *Sura Sơn*. Vì chữ Hán không có âm nào để phiên âm tên gốc của ngọn núi là *Sura*, nên người ta chép chữ *Sư* cho gần âm. Từ đó, quen dần đọc thành *Sư Sơn*.

Tên gốc của nó là *núi Sura*. Cách gọi tên núi này giống cách người xưa gọi một ngọn đồi nổi tiếng ở Bắc Ninh là *Lim*, chỉ vì ở đó được trồng nhiều cây *lim*. Núi *Sura* cũng vậy. Chỗ này vốn có rất nhiều *cây sura* quý mà được gọi là núi *Sura*, phiên sang chữ Hán là *Sư Sơn*. Núi *Sura* (*Sư Sơn*) khác với núi *Nùng*.

Bởi *núi Nùng* là một ngọn núi nằm trong hoàng thành Thăng Long, ngày nay còn được gọi là núi Điện Kính Thiên. Điện Kính Thiên được xây trên đất gốc của Long Đỗ Hương, gò đất cổ 2.000 năm.

(Lê Văn Lan)

Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu

Rách như tổ đĩa

Có người tưởng tổ đĩa là tổ *con đĩa*. Cũng *chưa ai biết con đĩa có tổ hay không*. Tổ đĩa ở thành ngữ này là *cây tổ đĩa*, một loại cây thường mọc ở ven bờ ao. Cây tổ đĩa có lá như lá cây đinh lăng, trông lốm chớm và rách như xé ra từng mảnh nhỏ...

Vì vậy, ai mặc rách rưới, người ta thường nói “rách như tổ đĩa.”

Sông Tô Lịch - 2

Đến giai đoạn Thăng Long, chúng ta cần phải quan tâm đến chuyện vua Lý Thái Tổ dời đô. Kinh đô của nước Đại Cồ Việt lúc đó đang ở Hoa Lư “thành thì hẹp, đất thì thấp”.

Ông ta có thể chọn Cổ Loa. Sau An Dương Vương cả nghìn năm, Ngô Quyền lại định đô ở đó. Nhà Ngô lập nước từ 939 đến 965 thì sụp đổ. Vậy là cho đến lúc Lý Thái Tổ quyết định dời đô (1010) thời gian không hề xa. Thành Cổ Loa vẫn còn là một tòa thành tốt, lại nằm ở vị trí trung tâm. Nhưng ông đã không chọn.

Ông cũng có thể chọn ngay chính quê ông, Đình Bảng, Bắc Ninh. Vua đương triều thì chỉ cần ra một sách lệnh là gạch ngói, phu phen sẽ ùn ùn tập kết đến để xây kinh đô ngay. *Lê Lợi xây kinh đô ở quê gốc của mình là Lam Kinh, Đinh Tiên Hoàng xây Hoa Lư cũng là ở quê mình*. Nhưng Lý Thái Tổ không chọn quê để định đô. Mà ông lại quyết định chọn Đại La. Vì sao?

Vì tất cả những địa danh trên, từ Cổ Loa, Đình Bảng, Lam Kinh, Hoa Lư... đều ở phía bắc của sông Hồng, phía bắc của sông Tô Lịch. Chỉ có Đại La với trung tâm là điểm rón rỗng mới có sông Tô để làm hào sâu vừa để phòng ngự vừa để che chở. Thực tế sông Tô suốt cả 2.000 năm nay vẫn là một hào nước lớn của thành Đại La – Thăng Long – Đông Đô – Hà Nội.

Vậy là sông Tô là con sông phòng ngự cho kinh thành Thăng Long.

(Lê Văn Lan)

Xóm Đào nương

Hàng Giấy

Nhà hát ả đào phố Hàng Giấy:

Là người hoài cổ, mỗi lần đi qua phố Hàng Bạc mà cả mấy trăm năm trước có căn nhà tường đổ hát ả đào ở một ngõ tư nào đó nên được gọi là nhà đổ.

Từ căn nhà đổ này đã đi vào truyện Kiều qua lầu xanh của Nguyễn Du khi đến Thăng Long.

Thuận Hóa

Trong thời kỳ nước Nam Việt lại thuộc về Tượng Quận. Năm 116 trước Công nguyên, quận Nhật Nam ra đời thay thế cho Tượng Quận. Thời kỳ Bắc thuộc, trong suốt thời gian dài gần 12 thế kỷ, vùng đất này là địa đầu phía bắc của Vương quốc Chăm-pa độc lập. Năm 1306, công chúa Huyền Trân em gái vua Trần Anh Tông, "nước non ngàn dặm ra đi" làm dâu vương quốc Chăm-pa, vua Chế Mân dâng hai châu Ô, Rí (Lý) để làm sính lễ. Năm sau, vua Trần đổi hai châu này thành *châu Thuận, châu Hóa*.

Năm 1558, Nguyễn Hoàng xin vào trấn giữ xứ Thuận Hoá mở đầu cho cơ nghiệp của các chúa Nguyễn.

Sự ra đời của thành Hóa Châu có lẽ chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn.

Đã có một thời...

Vĩnh biệt Hoàng Anh Tuấn

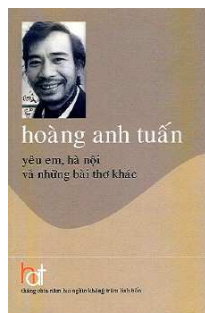
Mới đây, tôi nhận được tập thơ của anh gồm: 18 bài thơ Hà Nội và 47 bài Ngoại tập. Đọc thích thú. Vẫn như những ngày nào khi bất ngờ thơ Hoàng Anh Tuấn xuất hiện trên báo hoặc trong số bạn bè. Lần nào cũng là một cú "chơi ngang" của Hoàng Anh Tuấn. Tôi không yêu bài nào hơn bài nào.

Nhưng trong những cái thư điện tử của các bạn tôi khi báo tin Hoàng Anh Tuấn đã ra đi, có nhiều người đã nhắc lại những bài thơ mình yêu thích. Ông Hồng Dương ở Santa Ana thì còn cảm khái vô cùng với:

"Hương còn ngán ẩn trên môi
Ươm hơi rùng cũ, đượm mùi gỗ xưa
Mướt lá đọt, óng rêu chờ
Sững im cương thạch, quanh co ôn tuyền."

Và ông Thanh Thương Hoàng ở San Jose thì còn ngân nga:

"Hà nội yêu, anh vẫn yêu muốn khóc
Mắc chực năm, xa đến mấy ngàn năm
Giã từ em – mười bảy tuổi – một lần
Thu rất mỏng, mưa hững hờ đắm lá
Hà nội yêu, áo lụa ngà óng ả
Thoáng khăn san nũng nịu với heo may
Hai ngón tay nhón một trái ô mai
Chiếc răng khểnh xinh nụ cười cam thảo..."



Đến đây tôi đồng ý với nhận định của anh Nguyễn Xuân Thiệp: "lục bát của Hoàng Anh Tuấn mới thể hiện hết những vẻ đẹp cấu trúc ngôn từ và cảm xúc". Nhưng xem lại những bài khác của Tuấn, tôi lại phân vân, vì ở thể loại nào nhà thơ cũng mang đến cho tôi những cảm xúc mạnh mẽ vì chính trong tâm hồn tác giả cũng đồng bão: Những ngày ngát chạy vòng quanh mê loạn
Tưởng ngàn năm không thoát khỏi cơn điên
Bằng bất ngờ sợi tóc bạc đầu tiên

Em phát văng nông nản vào xưa cũ....

(Văn Quang)

Văn hóa chửi

Dân gian thường *chửi đồng* để tránh tai vạ. Tiêu biểu cho *chửi đồng* là lời "chửi mắt gà" của mấy bà miền Bắc:

- Chém cha đũa bắt gà nhà bà ! Chiều hôm qua, bà cho nó ăn hầy còn, sáng hôm nay, con bà gọi nó hầy còn, mà bây giờ mày đã bắt mất. Mày muốn sống mà ở với chồng với con mày, thì mày buông tha thả bỏ nó ra, cho nó về nhà bà. Nhược bằng mày chấp chiếm, thì bà đào thẳng tam đại tứ đại nhà mày lên, bà khai quật bật sáng thẳng ngũ đại lục đại nhà mày lên. Nó ở nhà bà, nó là con gà, nó về nhà mày, nó biến thành cú thành cáo, thành thần nanh đở mổ, nó mổ chồng mổ con, mổ cái nhà mày cho mà xem. Ở cái thằng chết đâm, cái con chết xĩa kia ! Mày mà giết gà nhà bà, thì một người ăn chết một, hai người ăn chết hai, ba người ăn chết ba, mày xuống âm phủ, mày bị quỷ sứ thần linh rút ruột ra, ở cái thằng chết đâm, cái con chết xĩa kia ạ!

(Bước đường cùng - Nguyễn Công Hoan)

Đã có một thời...

Vĩnh biệt họa sĩ Thái Tuấn



Trở lại chuyện Sài Gòn trong những ngày vừa qua, đối với những người làm và yêu văn học nghệ thuật, sự ra đi của họa sĩ Thái Tuấn, "cây đại thụ" của hội họa VN là một mất mát lớn. Suốt cuộc đời ông không làm gì khác ngoài hội họa. Ông đã 90 tuổi và vẽ cho đến khi từ già "cuộc chơi", từ biệt bạn bè.

(Chân dung tự họa)

Suốt cuộc đời chỉ biết vẽ

Tang lễ cố họa sĩ Thái Tuấn chắc chắn sẽ có rất nhiều "anh em cũ" đến tiễn đưa "lão làng" về nơi an nghỉ cuối cùng. Nguyễn Nghiệp Nhược nói với tôi như thế trước khi tôi từ Lộc Ninh về Sài Gòn .Tôi hiểu "anh em cũ" có nghĩa là những anh em hoạt động trong lãnh vực văn học nghệ thuật trước năm 1975 ở miền Nam, chứ chẳng riêng gì ở Sài Gòn. Họa sĩ Thái Tuấn đã trở thành một trong số vài nghệ sĩ nhiều tuổi nhất còn sống ở thành phố này. Ông trở thành "cây đại thụ", cũng như những hàng cây cổ thụ mà từ khi những người Bắc di cư vào Nam năm 1954, đã nhìn thấy trên những con đường đẹp nhất thời bấy giờ.

(Văn Quang)

Kệ và thơ thiền

Kệ là văn chương nghi lễ của Phật giáo, như *Kệ dâng hương* , *Kệ dâng hoa*, *Kệ vô thường buổi sớm*.. Các Thiền sư thường làm kệ "*thị tịch* " để căn dặn đệ tử trước lúc qua đời. Những bài kệ ấy vừa nói về giáo lý Phật vừa chứa đựng chứng ngộ của mỗi người . *Thiền Uyển Tập Anh* nổi tiếng với những bài kệ như *Thị Đệ Tử* của Thiền sư Vạn Hạnh, *Cáo tịch Thị chúng* của đại sư Mãn Giác. *Khoá Hư Lục* của Trần Thái Tông có *Kệ ngũ giới* , *Kệ bốn núi* ...

Về căn bản, kệ dạy giáo lý Phật bằng ngôn ngữ khái niệm. Nhưng khi chuyển thành ngôn ngữ hình tượng, *kệ trở thành thơ thiền*, ý nghĩa tư tưởng chuyển hoá thành ý nghĩa nghệ thuật.

Thơ thiền là thơ tư tưởng. Cốt lõi tư tưởng thơ thiền là giáo lý Phật giáo. Mỗi bài thơ là một chứng ngộ tại thế về *Chân Như* của Thiền sư.

Chẳng hạn:

Bát Nhã chân vô tông
Nhân không, ngã diệc không
Quá, hiện, vị lai Phật
Pháp tính bản lai đồng.
(Lý Thái Tông)

Dịch:

“Bát Nhã” thực vô tông
Người không, mình cũng không
Phật trước, nay, sau nữa
Pháp tính vốn tương đồng
(Ngô Tất Tố)

(Nguồn: Bùi Công Thuần)

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Phan Khôi: Cây cứt lợn, Cây chó đẻ

Về phần tác phẩm của cụ Phan thì rất nhiều, một số được in ra, một số không ai dám in vì cái miệng Hỏa Lò rộng lắm mà lại có chần song sắt và cai ngục là Tố Hữu. Cho nên tôi chỉ đọc được chút ít. Trong đó có tập *Nắng Chiều*. Cuốn này bị cấm nên không ai được đọc. Nhưng anh Võ Văn Ái sưu tầm được bài “*phê phán tư tưởng phản động của Phan Khôi trong sáng tác*” của Đoàn Giỏi đăng trong báo văn nghệ số 15-8-1958. Nhờ đó mà chúng ta biết được một phần nội dung của *Nắng Chiều*, mời độc giả đọc những đoạn trích từ tập sách kể trên.

“...Có một thứ thực vật nữa cũng như sen Nhật Bản, ở xứ ta trước kia không có mà bây giờ có rất nhiều. Đâu thì tôi chưa thấy. Chỉ thấy trong mấy tỉnh Việt Bắc không chỗ nào là không có. Đầu tiên thấy nó rải rác ở tỉnh Phú Thọ, nhiều nhất là ở Thái Nguyên và Tuyên Quang. Nó mọc trên thị trấn bị ta phá hoại như rừng ken kít nhau. Nơi gọi nó là *Cỏ bù xít* vì nó có mùi hôi như con bọ xít, nơi gọi là *Cây cứt lợn*, nơi gọi là *Cây chó đẻ*. Tên đều không nhả tí vào. Thứ cây ấy, người có học không gọi là Cây cứt lợn đại mà gọi bằng *Cây cộng sản*.

Không mấy lâu rồi nó mọc đầy cả đồn điền, trừ khử không hết được, nó lan tràn ra ngoài đồn điền. Cái tình trạng ấy bắt đầu có trong những năm 1930-1931 đồng thời với đảng Cộng Sản Đông Dương bắt đầu hoạt động. Phong trào CS cũng lan nhanh như thứ cây ấy cho nên bọn Tây đồn điền đặt tên nó là herbe communiste, đáng lẽ dịch nó là cỏ cộng sản, nhưng nhiều người gọi nó là cây cộng sản...”.

Hỏi ông, tên nó là cây gì, ông nói tên nó là cỏ cụ Hồ. Thứ cỏ này trước kia ở đây không có, từ ngày cụ Hồ về đây lãnh đạo cách mạng thì thứ cỏ ấy mọc lên, không mấy lúc mà đầy cả đường xá, đồi đồng, người ta không biết tên nó là gì, thấy nó cùng một lúc với cụ Hồ về thị gọi nó như vậy.

(Xuân Vũ)

Phụ đính:

Nhà văn Xuân Vũ tên thật là Bùi Quang Triết, tham gia kháng chiến ở miền Nam và tập kết ra Bắc năm 1954, đã hồi chánh năm 1968 khi được CS Bắc Việt đưa trở lại miền Nam trong chiến dịch tổng công kích Tết Mậu Thân.

Với những kinh nghiệm bản thân của một nhà văn trong hàng ngũ cộng sản hơn 20 năm, nhất là hơn 10 năm sống ở miền Bắc, Xuân Vũ biết rất rõ sinh hoạt văn học ở miền Bắc. Sau khi hồi chánh, Xuân Vũ nổi tiếng ở miền Nam với tác phẩm “Xương Trắng Trường Sơn” và “Đường Đi Không Đến”, viết về những sự thật trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam.

Khi miền Nam VN sụp đổ, Xuân Vũ đã kịp di tản ra khỏi VN cùng gia đình và định cư tại San Antonio, Texas, Hoa Kỳ và tiếp tục viết cho đến ngày qua đời, 1/1/2004.

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Phan Khôi; Xin cho tôi hỏi một câu

Trong một cuộc họp mặt ở số 2 Bà Triệu, ngang chỗ ngã tư Tràng Thi và Hàng Trống, đối diện với đồn Công An. Hàng Trống là con đường có cái trụ sở báo lão Nhân Dân. Cuộc họp này có mục đích yêu cầu của văn nghệ sĩ là đòi Trung ương giải thích mấy vấn đề gì đó. Người đến nói chuyện là Trường Chinh. Ông ta rào đón trước: Vì bận họp Trung ương gấp nên chỉ gặp anh chị em trong vòng 10 - 15 phút thôi. Hẹn khi khác sẽ mạn đàm thêm. Và đúng 10 phút, ông ta xem đồng hồ, nói thêm ít câu rồi rút lui. Thế là xong buổi họp, tôi công những người cuộc bộ tới đây... nghe Trung ương. Gã cần vụ xách cái pa-đơ-xuy-đơ-vin tới quàng lên vai ông Tổng Bí Thư như nhắc ông ra về. Một ông già gầy nhom chống gậy ra chặn ngang lối đi:

- Xin cho tôi hỏi một câu.

Gã cần vụ đẩy ông ta sang một bên, nhưng ông ta còn cố nói:

- Xin cho tôi hỏi một câu thôi.

Cả mấy trăm văn nghệ sĩ im phắc chờ đợi ông Tổng Bí Thư dừng lại và chờ nghe câu hỏi của ông già kia. Nhưng ông Tổng Bí Thư được gã cần vụ rẽ sẵn lối nên đi thẳng ra cửa mất tiêu. Ông già ngó theo. Mấy trăm cặp mắt phóng theo. Câu hỏi của ông già vẫn còn nằm trong bụng.

(Xuân Vũ)

Đừng tưởng

Đừng tưởng cứ tiến là lên..

Cứ lui là xuống, cứ yên là nằm

(Bùi Giáng)

Phóng sự trên báo đầu tiên

Năm 1932, tờ *Hà Thành Ngộ Báo* đã khởi đăng phóng sự nổi tiếng nhan đề “Tôi kéo xe” của nhà báo Tam Lang (Vũ Đình Chí), mở đầu cho thể loại phóng sự trong làng báo Việt Nam. Viết về thân phận những người phu xe những năm đầu thế kỉ 20, “Tôi kéo xe” đã làm thức tỉnh những người có lương tâm trong xã hội.



Để viết phóng sự đầu tiên, nhà báo Tam Lang đã nhiều lần là...người phu xe để hiểu được sự nhọc nhằn của họ.

(SNG Paris – Một tài liệu hiếm)

Văn bia, cuốn gia phả bằng đá

Hầu hết bia chúng tôi tham khảo viết bài này đều tập trung vào đời nhà Lê (vua Lê chúa Trịnh) và triều Nguyễn. Chưa tìm thấy bia gia phả đời Đinh, Lê, Lý, Trần. Nhưng thật thú vị cũng có bia tạo dựng vào thời Tây Sơn, ví dụ như bia dựng năm 1795 đời Cảnh Thịnh Tây Sơn của dòng họ Ngô ở Sơn Tây. Bia được khắc 2 mặt, diện tích 110cm x 160 cm bằng chữ Hán có 59 dòng với 1500 chữ. Bia chạm mặt nguyệt rỗng hoa dây.

Nội dung văn bia nói gì?

Văn bia trong khuôn viên nghĩa trang dòng họ Nguyễn Hữu

Có thể thấy bia đá cũng chính là một cuốn gia phả khắc bằng đá. Như gia phả khắc đá của họ Nguyễn Văn ở Tháp Dương, tỉnh Bắc Ninh. Gia phả khắc đá họ Ngô Vi ở Sơn Tây, ghi được

19 đời dài 500 năm. Gia phả Ngô Thì ở Tả Thanh Oai, Sơn Tây, ghi được 33 đời trong đó Ngô Thì Nhậm (con Ngô Thì Sĩ) là đời số 1.

(Nguyễn Văn Hoa)

Chuyện bây giờ mới kể

Cuộc gặp gỡ với Hồ Dzếnh ở Sài Gòn cho tôi hiểu anh thêm. Chúng tôi có đủ thời gian cho những chuyện tâm tình. Cũng trong cuộc gặp gỡ này tôi mới biết trong sâu thẳm tâm hồn, Hồ Dzếnh có một vết thương khó lành và không đáng có. Dù anh đã có một chỗ đứng trong văn đàn Việt Nam, anh vẫn luôn cảm thấy có sự phân biệt: anh là nhà văn, nhưng là nhà văn người Tàu, hoặc tử tế hơn: nhà văn gốc Hoa.

Theo thống kê không mấy chính xác, năm 1978 và đầu năm 1979 đã có hai vạn rưỡi người Hoa vượt biên giới phía bắc để trở về Trung Hoa. Nhà nước Trung Hoa đổ đặt tên cho nó là “nạn kiều”.

Tất cả bắt đầu bằng *một tờ truyền đơn giả mạo* tựa hồ của chính quyền Trung Hoa kêu gọi người Hoa mau mau trở về tổ quốc để tránh một cuộc “tắm máu” sắp xảy tới. Tờ truyền đơn do một tên vô danh tiểu tốt dưới sự khuyến khích của tên quan thầy nắm công tác tổ chức ở trung ương. Tác giả tờ truyền đơn về sau leo lên một trong những chức vị cao nhất trong hệ thống nhà nước. Công lao được ghi nhận của y là đã xua đuổi được hàng vạn người Hoa ra khỏi nước mà không tốn một viên đạn. Tổng số người Hoa rời khỏi Việt Nam từ Bắc chí Nam trong thời kỳ này *lên tới gần một triệu*, trong số gần hai triệu người Hoa sinh sống ở Việt Nam năm 1978.

Tôi được nghe anh kể những gì đã xảy ra với anh năm 1978:

“Tờ truyền đơn ấy có tác động kinh khủng. Người ta tin nó là thật. Họ chép lại, trao tay nhau, rồi lời đồn loang xa. Thế là người Hoa ùn ùn kéo đi. Có gì trong nhà mang ra bán cho bằng hết, lưng đeo ba lô, vai khoác tay nải, họ dắt díu nhau lên đường. Nước mắt lưng tròng, họ hối hả đi, thất thểu đi. Thảm lắm”.

- Còn anh thì sao? – tôi hỏi.

Họ đến nhà, giục gia đình tôi đi. Không phải một lần. Tôi lánh mặt. Anh tiếp

“Rồi họ cũng tóm được tôi. Bảo tôi đi theo. Đi thì đi. Ngồi lên command-car, hai người ngồi hai bên. Như sợ tôi chạy. Công an, tôi nghĩ. Họ đưa mình đi đâu đây? “Xe rẽ vào Hỏa Lò, anh ạ”.

Cái Maison Centrale này người Hà Nội có ai không biết.

(Vũ Thư Hiên)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lâm

tự vị 字彙

Soạn giả vẫn giảng giải sai rằng, vị nghĩa là nói, tuy ông cũng biết rằng, tự vị cũng là tự điển. Ở Trung Quốc, ít khi người ta gọi tự điển là tự vị. “Tự vị” 字彙 (phải đọc là tự hội mới đúng) vốn là tên bộ tự điển của Mai Ứng Tộ thời Minh, thu thập 33 179 chữ. Đó là bộ tự điển chữ Hán lớn nhất trước khi có bộ Tự điển Khang Hy (ấn hành năm Khang Hy thứ 55, năm 1717, thu thập 47 035 chữ).

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

140 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Hình như sự thể đó đã thành ra công lệ. Cái công lệ ấy là phàm viết hồi ký, để tưởng nhớ một người bạn đã khuất, người viết chỉ nhắc đến những cái hay, cái đẹp của bạn chứ ít dám nghĩ đến chuyện phanh phui cái dở hay cái kém của bạn mình ra. Thiết tưởng đó là một lẽ thường.

Tưởng nhớ đến một người bạn thân mà giấu cái dở, cái kém của bạn đi, cũng là một điều hợp tình hợp lý, không nên chê trách. Viết hồi ký các anh em văn bút, hoặc đương ở xa, hoặc là đã mất, tôi vẫn quan niệm như thế; nhưng ở trường hợp Nguyễn Tường Tam, tôi muốn thành thực hơn thường lệ, đối với chính anh Tam và ngay cả chính với tôi, bởi vì một lẽ dễ hiểu: Nguyễn Tường Tam là một người đặt sự thành thật lên trên hết và sinh thời không tha thứ cho bất cứ một cái gì đay điem, giấu giếm hay phết sơn ra ngoài để lấy sự hào nhoáng mà làm mờ mắt người ta, cho người ta không lưu ý đến sự thối tha ở bên trong.

Thực tình, tôi không phải là bạn thân của Nguyễn Tường Tam. Sinh vào cùng một thời, làm cùng một nghề văn chương báo chí, tôi chỉ có dịp gặp Nguyễn Tường Tam tại báo *Ngày nay*, *Phong hóa* và trong những buổi họp mặt lúc phát động phong trào "Nhà ánh sáng", rồi sau này, tại trụ sở báo *Việt Nam* của Việt Nam Quốc dân Đảng ở Ngũ Xã và trong các buổi họp với cụ Nguyễn Hải Thần – lúc ấy tôi làm báo cho quân đội Lữ Hán sang Việt Nam tiếp thu quân đội Nhật hoàng thua trận... Nếu muốn tỏ ra thành thật với bạn đọc, với chính tôi và với anh hồn của người đã khuất, tôi phải nói thẳng ra rằng tôi không có cảm tình đặc biệt với Nguyễn Tường Tam. Lý do? Tôi không thể nào giải thích được. Mà điều tôi có thể chắc chắn là chính Nguyễn Tường Tam cũng không có cảm tình đặc biệt với tôi.

Nguyễn Tường Tam không thế: anh là một cây thành thật, không thể giả dối, không thể đóng trò, yêu thì yêu ra mặt và ghét ai thì cũng ghét ra mặt, chứ không thể ghét mà bảo là yêu, thấy đen mà nói là trắng, thấy cây trò, cây châu mà bảo là vàng tâm.

(Nguyễn Tường Tam, một nhà văn "đa bất mãn hoài" – Vũ Bằng)

Chữ nghĩa lơ mơ lố mố

Cũng con gà trống hoa mơ
Nó đi đập mái hói trơ cả đầu
Hói thì hói có sao đâu
Nếu không đập mái tóc, râu làm gì?

Thơ mới

Khi báo *Phong Hóa* bắt đầu năm 1932, đa số là những người trong tòa soạn còn rất trẻ. Nhất Linh mới có 26 tuổi, Hoàng Đạo, Thế Lữ, 25, Thạch Lam 23. Các họa sĩ Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Lemur Nguyễn Cát Tường ... khi vẽ cho Phong hóa tuổi cũng còn trong khoảng từ 20 tới 27

Hai báo Phong Hóa và Ngày Nay đã cống hiến cho người đọc những vần thơ mới, ngay từ khi chúng bắt đầu hé nở, và ủng hộ thơ mới cho đến ngày toàn thắng trên văn đàn. Thơ mới đã khởi đầu bằng bài "Tình Già" của Phan Khôi. Sau đó, Thế Lữ bước lên vững vàng, ngời sáng khi sáng tác những bài thơ phong cách hoàn toàn khác lạ, từ lối dùng chữ, đến âm điệu, đến ý tưởng, ... làm ngây ngất người đọc. Thi sĩ được Nhất Linh công nhận chất sáng tạo mới, trong bài giới thiệu năm 1933 (1). Sau khi tập *Mấy Vần Thơ* của Thế Lữ ra đời, địa vị thơ mới nổi bật. Danh tiếng của Thế Lữ nổi vững vàng như người khởi đầu thơ mới. Trên báo ông bắt đầu khám phá, giới thiệu các thi sĩ trẻ.

Những chuyên mục như Tin Thơ, Tin Văn Văn do Thế Lữ phụ trách trên Phong Hóa và Ngày Nay là những bài viết bàn về thơ, chỉ dẫn cách làm thơ, thường thức thơ và phê bình thơ rất sắc sảo, ... được các bạn yêu thơ đón đọc hào hứng, sôi nổi. Thế Lữ còn được các thi sĩ trẻ rất phục về việc sửa thơ dùm.

Hai lần sửa nổi tiếng trên báo Ngày Nay là :

1- Câu thơ: *Một tối bầu trời chẳng gợn mây*, của Xuân Diệu, bài Mưa Đêm, được Thế Lữ sửa thành: *Một tối bầu trời đẫm sắc mây*

2- Câu thơ: *Trăng nằm sóng sượt trên cành liễu*, bài Bến Lèn của Hàn Mặc Tử, được Thế Lữ sửa thành: *Trăng nằm sóng soài trên cành liễu*.

(Phạm Thảo Nguyên - Giới thiệu Phong Hóa-Ngày Nay)

Nói lái trong dân gian

Trong dân gian, hầu như ở miền nào cũng có nghe truyền tụng những câu nói lái qua câu đố, câu đối, hay nói lái với hò vè, thơ ca...

Mắm nêm ăn với quả cà

Vắng anh Từ Trực đâu mà biết ngon

(ăn mắm nêm với cà mà *thiếu quả ớt thì không ngon*)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Cái nôi của chữ Quốc Ngữ là ở miền Nam. Chữ quốc ngữ, báo chí, tiểu thuyết, dịch thuật khởi đầu, trưởng thành, và phát triển ở miền Nam rồi mới bành trướng ra Bắc. Một vài thí dụ như : Chuyện Đồi Xưa (1886), Chuyện Khôi Hài (1882) của Petrus Trương Vĩnh Ký, Chuyện Giải Buồn, của Paulus Huỳnh Tịnh Của (1896). Truyện Thầy Lazaro Phiền của Nguyễn Trọng Quản (1887), Tiết Phụ Gian Truân (1910) của Trương Duy Toản, Ai Làm Được(1912) của Hồ Biểu Chánh...

Dịch thuật bắt đầu ở miền Nam. Một ít thí dụ như dịch từ sách Tàu thì có Trung dung (1875), Đại học (1877) v..v.. Dịch từ chữ Nôm ra quốc ngữ có “Lục Vân Tiên” (1889), Kim Vân Kiều (1878), Phan Trần (1889), v ..v.. Trương Vĩnh Ký dịch. Dịch từ truyện Tàu thì có Tây Hôn Chí, Tam Quốc Chí (1901) được quần chúng miền Nam hưởng ứng nồng nhiệt, phát triển lên thành phong trào dịch (50 bộ truyện), đọc và kể truyện Tàu.

Nguyễn Chánh Sắt, Trần Phong Sắc, Nguyễn An Khương... là dịch giả tiên phong trong phong trào dịch truyện Tàu. Từ đó phong trào dịch thuật rồi mới phát triển ra Bắc (Phan Kế Bính dịch Tam Quốc Chí năm 1921).

(Tiếng nói miền Nạm văn hoá Lục tỉnh - Trịnh Quốc Thuận)

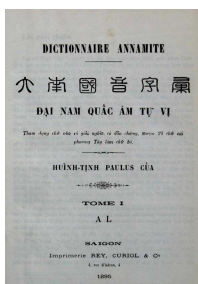
Nói lái trong dân gian

Trong dân gian, hầu như ở miền nào cũng có nghe truyền tụng những câu nói lái qua câu đố, câu đối, hay nói lái với hò vè, thơ ca:

Từ là con, trực là ngay, con ngay, cay ngon

(trái ớt)

Những cái cũ & xưa nhất của Saigon



Cuốn từ điển tiếng Việt đầu tiên *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* là cuốn từ điển tiếng Việt quốc ngữ Latinh của Huỳnh Tịnh Của gồm hai tập: Tập I xuất bản năm 1895, tập II xuất bản 1896.

Bộ từ điển chứa nhiều thành ngữ, tục ngữ, từ ngữ về thảo mộc, cầm thú của Việt Nam và của miền Nam. Bộ từ điển này trở thành Từ điển Bách khoa toàn thư đầu tiên về Nam Bộ.

Sài Gòn một chút quán xá

Tiệm phở kỳ cựu nhất Sài Gòn



Năm 1947, chàng thanh niên Trần Văn Phồn vào Sài Gòn và cũng sinh sống bằng nghề bán phở. Lúc đầu ông bán phở gánh ở đường Nguyễn Văn Giai (Tân Định), sau đó thuê một chỗ rộng và dựng quán lợp tôn ở đường Trần Cao Vân. Sau chủ lấy mảnh đất lại ông phải chuyển ra đường Mạc Đĩnh Chi gần đó.

Thời kỳ đầu ông Phồn bán phở, người bán chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Trong ký ức của ông, có phở 79 (nằm ở vị trí quán Dìn Ký, tức đường Nguyễn Trãi ngày nay), phở Minh, xe phở Tương Lai (nằm ở đường Lý Thái Tổ), phở Bình ở chợ Bà Chiểu...

Ông Phồn cười nhớ lại quá khứ.

Trong ký ức người Sài Gòn xưa phở Cao Vân được nhớ đến nhiều bởi treo thơ của cụ Tú Mỡ, bài thơ rất dài có câu:

Trong các món ăn "quân tử vị",
Phở là quà đáng quý trên đời.
Một vài xu, nào đắt đỏ mấy mươi,
Mà đủ vị: ngọt, bùi, thơm, béo, bổ.

Ông Phồn chia sẻ, nấu phở là một nghề rất cực nhọc, dậy sớm, thức khuya. Có lẽ vì vậy mà nhiều thương hiệu phở lừng danh một thời cũng dần dà phai nhạt đi bởi người nấu lớn tuổi, con cái thấy cực khổ không muốn nối nghiệp. Từ 20 năm nay, ông Phồn có một người làm tin cậy nấu phở theo cách thức của ông, còn ông chỉ ném phở xem đã đạt chưa. 6 người con của ông đã ở Úc và không còn ai theo nghề này nữa.

(tên nguyên bản "Phở Tàu Bay tân trang" – Nguyễn Đạt)

Giai thoại về tên

Có tên rồi, phải xưng tên mình và gọi tên người cho đúng cũng không kém phần quan trọng bởi *danh có chính thì ngôn mới thuận*.

Câu chuyện dân gian sau đây thường được nhắc đến cho sự tinh tế của ngôn ngữ tiếng Việt từ cái việc gọi tên đó thôi:

- Ai ơi, vô ăn cơm.
- Cơm ai nấu ?
- Nấu chứ ai !

(Tản mạn về cái tên – Thân Trọng An)

Sài Gòn một chút quán xá

Phở Tàu Bay



Phở Bắc có mặt và nổi tiếng lâu đời nhất là phở Tàu Bay. Tiệm tọa lạc tại số 435 đường Lý Thái Tổ, kế cận nhà thờ Bắc Hà, nhìn chéo sang bên kia đường là bệnh viện Nhi Đồng 1.

Khác với các tiệm phở nổi tiếng tại Sài Gòn, hầu hết xây dựng khang trang, tiệm phở Tàu Bay từ bao nhiêu năm nay là một căn nhà lụp xụp, nửa xây tường nửa ghép gỗ, mái tôn cũ kỹ. Chúng tôi ngờ rằng, từ năm 1954, tiệm Phở Tàu Bay di cư từ miền Bắc vào Sài Gòn ra sao,

nhiều năm sau vẫn vậy. Những lần phải sửa chữa vì thời gian làm hư hại chỉ là sửa chữa nhỏ, chấp vá mà thôi.

Khoảng nửa năm nay tiệm phở Tàu Bay đã được đại tu, xây dựng lại, bộ mặt thay đổi hoàn toàn. Là khách hàng thường xuyên của phở Tàu Bay từ nhiều năm, chúng tôi không nói phở Tàu Bay là phở ngon nhất, nhưng là phở đặc biệt, hương vị không lẫn với bất cứ phở của tiệm phở danh tiếng nào tại Sài Gòn. Chúng tôi nhận thấy phở Tàu Bay khác phở Hòa ở đường Pasteur ở chỗ ăn không dễ ngán dù tô phở to bụi đầy ắp, giá cả tô phở của phở Tàu Bay vẫn rẻ hơn phở Hòa chút ít.

So với phở Đậu ở Cư Xá Hàng Không cũ tại đường Công Lý thì giá cả tô phở của phở Tàu Bay rẻ hơn nhiều. Hơn nữa, nhiều người cho rằng cung cách phục vụ của nhân viên tiệm phở Đậu khá “chảnh,” khách ăn thường hỏi rau húng rau quế, luôn bị nhân viên phục vụ của tiệm phở Đậu nói thẳng là không biết ăn phở: “Phở đúng là phở chỉ dùng chút hành ngò, không ăn thứ rau nào khác với phở được!”. Điều này không hợp khẩu vị của rất nhiều khách ăn phở tại Sài Gòn, luôn luôn ăn phở cần có đĩa rau thơm các loại, kể cả xà-lách để cho vào tô phở.

Chúng tôi là khách ăn phở tại tiệm phở Tàu Bay từ những năm 60 của thế kỷ trước. Bà chủ tiệm phở Tàu Bay luôn luôn đứng ở quầy chế biến, nấu phở. Ông chủ tiệm Phở Tàu Bay có dòng con riêng, sau tục huyền với bà chủ tiệm phở Tàu Bay. Bà không có con, nhưng làm phở thì rất rộng tay.

Sau 30 Tháng Tư, 1975, ông chủ tiệm phở Tàu Bay có gương mặt giống thủ tướng Phan Huy Quát mất trước ông thủ tướng đi “học tập cải tạo”. Bà chủ tiệm phở Tàu Bay vẫn tiếp tục đứng ở quầy chế biến phở, tô phở Tàu Bay vẫn đầy thịnh như mọi khi, đặc biệt là những tô do chính bà chủ làm cho khách. Có thời gian bà chủ tiệm Phở Tàu Bay ngã bệnh phải nghỉ làm việc. Khỏi bệnh, bà tiếp tục công việc khoảng một năm sau thì qua đời.

(tên nguyên bản “Phở Tàu Bay tân trang” – Nguyễn Đạt)

Chữ Việt cổ

Do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Tấn mẫn: *nhỏ nhít*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

Địa danh ngày xưa

- *Thái Hà* : ở *Hàng Giầy* có xóm Đào nương, còn gọi là xóm Bình Khang, có trước xóm Khâm Thiên.

- *Khâm Thiên* : xóm cô đầu Ngã Tư Sở.

Khu cô đầu ở phố Khâm Thiên mới có từ năm 1915

(Vũ Ngọc Phan – Hồi ký những năm tháng ấy)

Hàng Giầy

Nhà hát ả đào phố Hàng Giầy theo sử gia ba đời uống nước máy Hà Nội Trần Quốc Vương gốc gác từ đời Lê

([ông cụ Nguyễn Tuân đã dẫn Nguyễn Tuân tới đây khi Nguyễn Tuân còn nhỏ](#))

Khu đất này được dựng trên nền đất thuộc các thôn: Vĩnh Xương, Nam Môn, Hoa Ngự, Tứ Mỹ. Thời Pháp gọi là đường Quan Lộ. Đến thế kỉ XIX, thôn Nam Môn Thụy Hoa Ngự đổi thành thôn Nam Ngự.

Sông Tô Lịch - 1

Sông Hồng



(Sông Hồng và cầu Long Biên trước đây.
Ảnh tư liệu: báo Kiến Thức)

Người Pháp đặt tên sông Hồng bởi vì họ thấy con sông này nhiều phù sa màu hồng nên họ gọi là Fleuve Rouge. Chuyển sang tiếng Anh là Red River. Chuyển sang Hán ngữ là Hồng Hà. Kết hợp cả Nôm lẫn Hán ta gọi là sông Hồng.

Người Pháp mới đến đây từ thế kỷ 19, nên Hồng Hà được gọi là sông Hồng, Fleuve Rouge hay Red River, so với chiều dài 2.000 năm thì đó là một cái tên mới toanh. *Sông Cái* mới là tên gốc.

(Lê Văn Lan)

Tĩn

Tĩn : đồ đựng bằng sành, *bụng phình ra, miệng thắt lại*
(*tĩn nước mắm*)

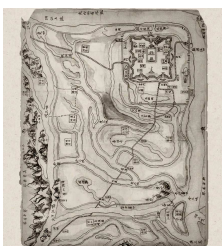
(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Sông Tô Lịch - 2

Sông Cái

Bản đồ Hà Nội cuối thế kỷ 19 trong *Đông Khánh địa dư chí*, tiếp tục thể hiện sông Tô Lịch còn nguyên vẹn và ôm trọn, cùng với sông Cái (*sông Hồng*) tạo thành 3 mặt bảo vệ thành Thăng Long.

Người Việt cổ đặt tên *chữ Cái* rất hay. *Cái* là một từ đa nghĩa. Trong trường hợp “con đại cái mang”, cái là mẹ. Trong trường hợp “trồng cái”, *cái lại là to*. Thế là cái có hai nghĩa mẹ và to. Nhưng chưa hết. Còn có trường hợp “đường cái”, nó là đường chính yếu. Vậy là các sắc thái ý nghĩa từ “mẹ, to và chính yếu” đều được lấy ra để đặt tên gốc của con sông Hồng ngày nay.



Đại La còn có con sông Cái bảo vệ. Tên gốc của sông Hồng ngày nay chính là sông Cái.

(Bản đồ Hà Nội, ảnh tư liệu. báo Kiến Thức)

(Lê Văn Lan)

Vũ phu

"Vũ phu" tiếng Hán là *đá giống như ngọc*.

Tiếng Việt là người chồng...*đánh đập vợ*.

Xì phé

Như những từ ngữ trong canh bài xì phé (bài tây) :

Tầy – Con bài úp

Pha – Nghĩa là sợ, không thêm tiền vào nữa.

Tổ - Thêm tiền vào. Hán Việt là “*đ*”.

Thấu cáy – Dân xi phê gọi là thấu cáy Hán Việt là “*thâu kê*”, diễn nôm là...*ăn cắp gà*.

(Lê Ngọc Trụ – Tầm nguyên tự điển Việt Nam)

Đề: Em hãy kể lại câu truyện "Thánh Gióng".

Ngày xưa ngày xưa, đất nước ta sinh ra được một cậu bé Thánh Gióng trông rất là *quái nhân vì đã 3 tuổi mà vẫn không biết nói biết cười*. Đột nhiên một hôm giặc tới, Thánh Gióng nhảy tót lên mình ngựa, sau khi đã ăn một bữa cơm khủng khiếp với *hàng thúng cà muối mặn mà vẫn không khát nước*. Thánh Gióng đánh giặc xong *không biết đường về nhà vì chưa ra khỏi nhà lần nào*.

Thánh Gióng *không biết đi đâu về đâu nên đành phải bay lên trời*.

Họ hàng hang hóc

Ngày nay nhiều nhà thơ trào phúng thường đặt chữ Tú trước tên mình, trường hợp này chữ “Tú” có *nghĩa là đẹp, không chỉ học vị*, như Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, Tú Kếu Trần Đức Uyển, Tú Xe Phạm Văn Tươi, phiên âm từ chữ Pháp “*Tout sait*” nghĩa là “*Biết hết*”.

Con *người thông kim bác cổ*... Lấy chữ Đò dùng làm bút danh cho mình nhiều người tỏ ra hâm mộ, người ta thấy Bùi Huy Phồn đặt Đò Phồn, Ngô Tất Tố đặt Đò Tố, Bàng Bá Lân đặt Đò Gàn..

Người khác dùng các (con) *số của từ Hán* như Nguyễn Tường Tam lấy Nhất Linh, Nguyễn Tuân lấy Nhất Lang, Nguyễn Xuân Bảo lấy Nhất Hạnh, Trần Khánh Giu lấy Nhị Linh, Lâm Tấn Phát lấy Nhị Liễu tiên sinh, Vũ Đình Chí lấy Tam Lang, Nguyễn Tường Tam tức Nhất Linh chọn Tứ Linh, Nguyễn Tường Long tức Hoàng Đạo chọn Tứ Ly, Nguyễn Tường Tam tức Nhất Linh chọn Bách Linh, Thái Mộng Tuyết tức Mộng Tuyết chọn Bách Thảo Sương.

(Chuyện phiếm về bút danh, nghệ danh – Nhật Thịnh)

Làng văn xóm chữ

Thập niên 1930-1940, trên diễn đàn văn học đất Bắc, có hai khuynh hướng báo chí đối lập nhau: một bên là Tự Lực văn đoàn với Phong Hoá, Ngày Nay và một bên là những tờ báo chống lại Tự Lực văn đoàn, như Tiểu thuyết thứ bảy, Hữu Ích, Phổ Thông bán nguyệt san thuộc nhà xuất bản Tân Dân của Vũ Đình Long, với các nhà văn như Nguyễn Công Hoan, Lê Văn Trương, Lan Khai, Tchya Đái Đức Tuấn, Trương Tửu...

Sự đối lập nghề nghiệp này tạo ra những cuộc bút chiến nảy lửa hoặc những cách phê bình độc địa nhau trên mặt báo. Bây giờ đọc lại những bài tranh luận này, chúng ta thấy nổi bật khía cạnh tị hiềm cạnh tranh nghề nghiệp nhiều là hơn đối lập tư tưởng.

Chỉ riêng trường hợp đối chất giữa Khái Hưng-Nhất Linh và Vũ Trọng Phụng là có nguyên do sâu xa hơn, đó là sự đối lập tư tưởng và phong cách văn học giữa Khái Hưng-Nhất Linh và Vũ Trọng Phụng. Sự bất đồng xảy ra trên một số nét rõ ràng: Khái Hưng chê Vũ Trọng Phụng chỉ nhìn thấy *cái xấu* trong con người và Nhất Linh chê Vũ Trọng Phụng *dâm ô*. Vũ Trọng Phụng phản bác rằng mình chỉ nói lên *sự thực*. Thái độ này rất dễ hiểu, bởi Vũ Trọng Phụng đi ra ngoài hệ tư tưởng chính thống của văn học đương thời.

Thập niên 30-40, trên văn đàn Việt Nam, có hai hệ tư tưởng nòng cốt: thứ nhất, đề cao cái đẹp, văn hay, phong cách lãng mạn, trong văn chương Tự lực văn đoàn, văn chương Nguyễn Tuân và Thơ Mới. Thứ nhì, vạch trần sự xấu xa của xã hội cũ trong các tác phẩm Tự Lực văn đoàn, vạch trần sự bóc lột của giai cấp giàu có, phía các nhà văn hiện thực như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Hồng...

Người người lớp lớp...

1954, Trần Dần tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ với Đỗ Nhuận, họa sĩ Tô Ngọc Vân. Cái chết của *Tô Ngọc Vân* trong chiến dịch tác động mạnh mẽ đến ông.

Ông viết một hơi tiểu thuyết *Người người lớp lớp*.

Phong Hóa-Ngày Nay

Đông Sơn Nhất Linh đỗ đầu cuộc thi tuyển nhưng chỉ học một năm tại trường Mỹ Thuật Đông Dương. Khi bắt đầu Phong Hóa, ông phụ trách trang trí, vẽ minh họa cho toàn thể báo nhà, về sau, chỉ còn minh họa riêng các truyện mình viết thôi... Những năm sau Phong Hóa và Ngày Nay luôn luôn có họa sĩ nhà nghề trình bày báo, vẽ tranh. Những họa sĩ nổi tiếng như Nguyễn Giá Trí, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Cát Tường, *Nguyễn Tường Lân* (họa sĩ trùng tên với Thạch Lam), Trần Văn Cẩn, Nguyễn Đỗ Cung và Tú Mỡ... đều cộng tác với báo Phong Hóa, Ngày Nay.

Hàng năm, trên Phong Hóa và Ngày Nay đều có bài viết phê bình tranh của những phòng triển lãm ở Hà Nội, do Nguyễn Đỗ Cung, Tô Ngọc Vân, Lemur Nguyễn Cát Tường, Thạch Lam viết. Ngoài ra, báo Ngày Nay dùng nhiều tranh vẽ rất có giá trị của các họa sĩ tốt nghiệp trường Mỹ Thuật Đông Dương làm bìa báo. Được đặc biệt chú ý là: Tranh bìa báo Xuân Ngày Nay số 46, 1937 của Nguyễn Gia Trí, Tranh bìa báo Xuân Ngày Nay số 198, 1940 của *Tô Ngọc Vân* (xem *Người người lớp lớp...*)

Cũng nhờ tòa báo luôn tổ chức những cuộc thi có thưởng, như những cuộc thi vẽ tranh khôi hài và tranh Lý Toét... đã lôi cuốn được rất nhiều họa sĩ bên ngoài tòa soạn tham dự vào việc vẽ tranh cho Phong Hóa, như Mạnh Quỳnh, Trần An, Ngym, Dlan,... Ngay cả *Bút Sơn người sáng tác ra Xã Xệ, là một độc giả ở tận Saigon, gửi tranh Xã Xệ đầu tiên tới tòa soạn năm 1934.*

Cũng cần nhắc lại là trên tờ báo chủ trương trào phúng Phong Hóa, *chính Nhất Linh Đông Sơn sáng tác ra Lý Toét.*

Tranh đầu tiên "Lý Toét ra tỉnh" của ông đăng trên Phong Hóa vào năm 1933. Những *Lý Toét, Xã Xệ, Bang Bạnh, Ba Éch* là những nhân vật hoạt kê sáng giá của cả một thời đại, nhà báo dùng để chế diễu, đùa cợt những thói hư tật xấu của dân ta, để tự biết mà sửa đổi. Và đồng thời cũng khơi dậy lòng thương người dân quê nghèo khó, đang chịu trăm bề khốn khổ, không được học hành...

(Phạm Thảo Nguyên - Giới thiệu *Phong Hóa-Ngày Nay*)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Không phải người đàn bà nào cũng đẹp
Không phải người đẹp nào cũng là đàn bà.

141 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nguyễn Tường Tam người gầy, hơi cao, đi đứng khoan thai, từ tốn; thoạt trông ai cũng tưởng anh là một người nhàn nhã, phong lưu. Thực ra, anh không phải là một người sung sướng, nhàn nhã như người ta vẫn tưởng, nhưng là một người "đa bất mãn hoài", nuôi cao vọng mà không đạt được phần nào; *thêm nữa lại mang một thứ bệnh thần kinh (neurasthénie) luôn luôn ở trong người nên ngày vui tương đối ít.*

Nhưng anh là một người cương quyết và có ý chí. Trước khi có biến thiên, Nguyễn Tường Tam sống một cuộc đời "chân chỉ" không rượu chè, không thuốc sái, không trai gái, không cờ bạc, nhưng sau những chán chường trên trường chính trị, *Nguyễn Tường Tam đam mê chè rượu.*

Nói là đam mê, có lẽ không đúng. Muốn cho đúng, phải nói rằng đầu óc anh suy yếu đi, ý chí do đó kém sút nên Nguyễn Tường Tam đã phải dùng rượu để giết cái buồn "thiên vạn cổ"...
"Bây giờ những người bạn từng lưu vong với anh ở đất Tàu, hiện nay còn sống, kể chuyện rằng trong thời kỳ ấy có khi anh nằm lì mười ngày, nửa tháng, không buồn trò chuyện với ai, mà cũng chẳng bước đi đâu hết. Sự đau khổ nhất đời anh là không ngủ được, do đó anh phải dùng rượu để uống cho say, họa may say quá thì đỡ nghĩ xa nghĩ gần, mà chính là cũng để mong rằng say quá, say mèm đi thì ngủ được..."

Vì tính toán như thế, anh mới bắt đầu uống rượu và bắt đầu uống là uống nhiều ngay. Anh em thân của Tam cho biết lúc ở Tàu, trời lạnh, Tam thường mua từng bát ô tô rượu để uống, nhưng vì rượu nhiều quá, mà lại nặng nên anh phải bịt mũi, nhắm mắt lại để uống như đàn bà, con trẻ sợ thuốc Bắc mà cứ phải nhắm mắt, bịt mũi lại để uống cho xong chuyện...

(Nguyễn Tường Tam, một nhà văn "đa bất mãn hoài" – Vũ Bằng)

Chữ nghĩa lơ mơ lố mố

Nhệ lách

Hôm nọ đi xe đò, một hành khách thấy một con gà mái đang bươi ăn giữa lộ, xe tới nó hoảng chạy, nhưng chạy xuôi chiều xe. Khoảng cách giữa gà và xe cứ thu ngắn dần, thấy gà sắp bị xe cán chết đến nơi, bỗng nó tạt ngang vô lễ, xe chạy trượt, nó đứng tỉnh bơ như không việc gì cả!

Khách ngồi trên xe ngẫm ngùi: "Trong đời thường của chúng ta cũng vậy. Với các cuộc tranh sống vô cùng phiền lụy, ta chỉ cần "nhệ lách" qua bên là được yên thân...như con gà"

(Đ. Dũng)

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Phan Khôi; Xin cho tôi hỏi một câu - 1

Sau đó ít lâu, một cuộc họp đông hơn: *Đại Hội Văn Nghệ Toàn Quốc lần thứ II*, (Đại hội lần thứ I ở Việt Bắc đầu hồi 49. Lần đó văn nghệ sĩ cũ như Nguyễn Tuân, Xuân Diệu bắt buộc phải khai tử những đứa con tinh thần của mình?). Đại hội kỳ II ở tại Thủ đô, đánh dấu "chiến thắng vĩ đại" của đảng: Đè bẹp nhóm Văn Nhân Giai Phẩm. Vì thế đảng kêu đám văn nghệ sĩ tới để ăn mừng.

Trên bàn chủ tịch đoàn có Nguyễn Tuân, Tú Mỡ, Ái Liên, Hoàng Ngọc Phách, Nguyễn Đình Thi. Cử tọa có đủ mặt văn nghệ sĩ, trừ: Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Dần, Phùng Quán, nhưng có Văn Cao. Hơn nữa Văn Cao lại còn ngồi trên ghế chủ tịch đoàn. Không có Văn Cao thì còn ra cái đại... gì nữa. Cho nên người ta phải triệu Văn Cao tới chứ không phải người ta yêu mến gì Văn Cao.

Để cho thêm phần long trọng, đại hội được vinh dự đón phái đoàn đại biểu của Ban Chấp Hành Trung ương đảng đến huấn tử, do Trường Chinh cầm đầu. Trường Chinh đọc thư BCH/TƯ' gọi đại hội rồi Nguyễn Đình Thi thay mặt đại hội đọc thư đại hội gọi BCH/TƯ', lễ nghi đầu đó tươm tất không chỗ nào chê được, coi như kế hoạch nhà nước hoàn thành vượt mức.

Trường Chinh sắp sửa đứng dậy kiếu từ thì từ hàng ghế cử tọa, một ông già đứng lên tại chỗ, không đi đâu nhưng tay vẫn chống gậy. Ông già cất giọng san san:

- *Tôi xin hỏi một câu!*

Trường Chinh giật mình ngó xuống, rồi không chậm trễ, lẳng lặng rời ghế đi vào hậu trường. Và biến luôn. Ngài Tổng Bí thư lúc này chưa mất chức nhưng không muốn trả cái nợ tình thần cho ông già (Phan Khôi) quen mặt ở số 2 Bà Triệu.

(Xuân Vũ)

Thành ngữ, tục ngữ khó hiểu

Nguyên nhân làm cho một số thành ngữ, tục ngữ trở nên khó hiểu là phương thức cấu tạo chúng đã không còn được nhận ra nữa nên làm cho người ta cảm thấy chúng có vẻ kỳ quặc hoặc bí hiểm. Chẳng hạn: "Sáng tai *họ*, điếc tai cày". Thành ngữ này có nghĩa lười biếng, không chăm chỉ làm việc.

Khi cày ruộng, người đi cày hô "*họ*" thì *trâu đứng lại ngay*, vì nó được nghỉ. Nếu hô "*vắt*" thì *phải kéo cày*.

Nguyễn Khuyến, trong bài "Anh giả điếc" có câu

Trong thiên hạ có anh giả điếc

Khéo nghe nghe, ngác ngác, ngỡ là ngây

Chẳng ai ngờ : *sáng tai họ điếc tai cày*

Lối điếc ấy sau này em muốn học

Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết

Phan Khôi; Xin cho tôi hỏi một câu - 2

Chủ tịch đoàn ủy nhiệm cho cụ Song An Hoàng Ngọc Phách, tác giả *Tố Tâm*, ủy viên Ban chấp hành hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật đang ngồi ghế chủ tịch đoàn đối đáp. Đại hội đứng dậy sửa soạn ra về. Một ông nào đó trong đoàn chủ tịch nói to:

Đại Hội đã bế mạc, xin quý vị tự tiện ra về.

Nhưng ông già còn đứng chống gậy kia, không ai muốn rời ghế ra về. Họ chờ xem cái câu hỏi của ông là câu gì? Hoàng Ngọc Phách nói với ông già đang đứng sừng như gốc cây to không gió:

- Xin mời cụ phát biểu.

Ông già lác đầu và đáp:

- *Tôi muốn hỏi người khác. Và tôi muốn được người đó trả lời.*

- Tôi xin thay mặt đại hội để ghi nhận lời cụ.

- *Cảm ơn! Tôi muốn được người đã hứa với tôi trả lời cho tôi.*

Bốn mươi năm qua. Cái câu hỏi đó tới nay chưa ai được nghe, nhưng ai cũng biết đó là câu gì, hoặc những câu gì.

Tại sao hai lần đối diện, Trường Chinh không nhận đối đáp với nhà văn? Ông ta cun cút lui đi như trốn nợ, giữa tia mắt kinh ngạc của hàng ngàn văn nghệ sĩ Hà Nội. Nhà "mác xít thiên tài" lại không đủ lý luận biện chứng pháp để giải đáp một câu hỏi của một nhà văn bình thường sao?

Ông già đó chính là *nhà văn Phan Khôi*, người đã tặng cho ai đó cái danh hiệu *Ông Bình Vôi*. Cái bình vôi, *vì nó sống lâu ngày, lòng nó đặc cứng, miệng nó bít lại*, ngồi cù rử trên trang hoặc trên tường thành, cũng như pho tượng đất hoặc gỗ, không nói năng, không nhúc nhích, thì người ta tôn thờ sùng bái gọi bằng "Ông".

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi

Y như một cái bình vôi

Càng sống càng tối

Càng sống càng bé lại

(Xuân Vũ)

Câu đố

Xét trong quan hệ với vật đố, tức cách biểu thị vật đố ra sao, hình ảnh ở lời đố thường được sử dụng theo *tính quan niệm của hình ảnh*. Có một số hình ảnh lặp đi lặp lại trong một số câu đố khác nhau. Chúng cho thấy việc dùng những hình ảnh này đã phản ánh một sự nhìn nhận, một quan niệm về đối tượng. Như:

Dưới đây là một số các hình ảnh này:

Một mẹ sinh được trăm con,
Con nào con nấy vuông tròn như nhau.
Bởi con ăn ở qua cầu,
Mẹ tức mẹ đánh... *cái đầu con văng*
(Hộp diêm)

Hình ảnh “mẹ - con” không phải người hay động vật mà là hai bộ phận rời, thì bộ phận lớn là “mẹ”, bộ phận bé là “con”.

(Triều Nguyễn - Cách sử dụng hình ảnh trong câu đố)

Giai thoại làng văn

Tô Hoài đặc biệt rất chú ý học chữ. Ông chê nhiều người viết văn bây giờ thiếu chữ và dùng chữ rất ẩu. Nhiều chữ họ không hiểu. Làm văn thì phải học chữ. Có cách học và chịu khó thì lúc nào cũng học được. Ngôn ngữ Việt Nam rất phong phú về những từ tế nhị như những từ chung quanh chuyện ăn, uống, chết...

Ông biên soạn một cuốn từ điển về từ ngữ các nghề nghiệp. Ông thấy tiếng Việt ta có chữ “ăn nằm” rất hay, tránh nói thô. Ông phân biệt “mòm” với “miệng”. Nói “miệng” sang hơn nói “mòm”. Cờ nhà chùa thì phải gọi là cờ “điều” chứ không phải là cờ đỏ, sơn đen thì phải gọi là sơn “then”, quần đen thì phải gọi quần “thâm”...

Có một chuyện rất vui là, vào những năm 60 của thế kỷ trước, Phạm Văn Đồng có đề xướng một cuộc vận động gọi là “Gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt”. Ông triệu tập một số nhà văn, nhà ngôn ngữ đến trao đổi về vấn đề này.

Tô Hoài không được mời vì bị coi là *viết sai tiếng Việt, sai ngữ pháp*, nghĩa là vi phạm vào sự trong sáng của tiếng Việt.

Chính Tô Hoài nói cho tôi biết chuyện này!

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Có một cô gái luôn sẵn sàng chết vì tôi.
Bạn có biết vì sao không?
Vì cô ấy thà chết còn hơn phải yêu tôi.

Đã có một thời...

Vĩnh biệt Hoàng Anh Tuấn

Vài kỷ niệm nhỏ

Tôi nói nhiều về thơ Hoàng Anh Tuấn vì thơ của anh đặc biệt xuất sắc hơn tất cả những “nghề tay trái” khác của anh.

Những kỷ niệm rải rác của tôi và gia đình Hoàng Anh Tuấn khá nhiều. Có lần anh ở Đà Lạt, có con gái về Sài Gòn, anh điện thoại cho tôi thản nhiên nói: Mày cho xe ra phi trường đón con gái tao nhé. Tất nhiên tôi phải cho xe đón cháu và đưa đến nơi về đến chốn. Anh không mào mề “làm ơn đón cháu” lôi thôi.

Lần khác tôi lên Đà Lạt vào dịp lễ Giáng Sinh, đến nhà anh chị Tuấn chơi, nhưng cả mùa Noel đó Tuấn không về. Khi trở lại Sài Gòn, gặp Tuấn, tôi muốn trách anh mấy câu, nhưng nhìn cái mặt anh cười cười tinh rụi, tôi lại không nói gì được nữa. Nhưng sau đó tôi hỏi sao không về ăn Noel với vợ con.

Anh trả lời gọn lỏn: Tao bận.

Đó là những gì tôi chợt nhớ về người bạn vừa ra đi. Tiếc rằng trang báo có hạn và thì giờ cũng chẳng còn bao nhiêu nên tôi ghi vội những hàng này để tiễn đưa thêm một người bạn nữa. Với tôi, anh là một nghệ sĩ đích thực trong cả cuộc đời và tác phẩm.

(Văn Quang)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Còn con gà mái hoa mơ
Nó đi tìm trống đỏ phơ cái mào
Đỏ thì đỏ kệ xác tao
Nếu không tìm trống thì tao ế à?

Đã có một thời...

Vĩnh biệt họa sĩ Thái Tuấn



Ông hoạt động liên tục từ khi ở miền Bắc “di cư” vào miền Nam. Sau năm 1975, ông cũng như hàng triệu người Việt Nam khác, tìm đường ra nước ngoài định cư.

(Chân dung tự họa)

Ông qua Pháp và vẫn tiếp tục sáng tác. Suốt cuộc đời ông không làm gì ngoài nghệ thuật, không biết gì đến những công việc khác ngoài việc vẽ tranh.

Năm 2006, ông trở lại VN và lại tiếp tục cuộc hành trình của mình. Ông trở lại sống trong căn nhà ở “tuốt tấp” trong con hẻm nhỏ giữa đường Yên Đổ, nơi ông đã sống từ những ngày trước đây

Nhà ông là một ngôi nhà khó tìm nhất trong những căn nhà ở Sài Gòn. Nhờ bất cứ ai chỉ đường vào nhà ông, chắc khó mà chỉ được. Lối ngõ quanh co, quẹo trái, rẽ phải liên miên và những con đường chỉ đủ cho hai chiếc xe gắn máy tránh nhau. Ngôi nhà nhỏ hẹp của ông nằm khấp nép trong một xóm lao động. Và từ hơn nửa thế kỷ qua đến nay, nó chỉ được sửa chữa qua loa.

Cuộc sống của ông thanh đạm lắm. Con người ông cũng vậy, giản dị, xuề xòa, đối với ai ông cũng thân thiện, niềm nở.

(Văn Quang)

Ca dao tục ngữ hiện đại hiện thực

Bầu ơi thương lấy bí cùng.
Mai sau có lúc nấu chung một nồi.

Gia thoại làng văn xóm chữ Thần Siêu Thánh Quát

Thời bấy giờ có ông Nguyễn Văn Siêu nổi tiếng là hay chữ. Được biết ông Siêu dạy học ở Hà

Nội, ông Cao Bá Quát từ Bắc Ninh sang Hà Nội đến trường của ông Siêu dạy để nghe giảng bài.

Ông Quát tới nơi, đứng cửa sổ dòm vào, thấy một ông đồ khoảng 25, 26 tuổi, ngồi trên một cái chõng cũ siêu vẹo, học trò thì ngồi lê la dưới đất, chứng tỏ là một lớp học nghèo. Thầy đồ Siêu nhìn thấy một anh chàng trẻ tuổi chừng mười lăm, mười sáu, thơ thần đứng ngoài cửa sổ nhìn vào, thầy đồ hỏi:

- Anh đi đâu mà đứng ở đây?

Ông Quát trả lời:

- Tôi là học trò đi qua trường thấy thầy giảng văn muốn xin thầy cho vào nhập học.

Ông Siêu muốn thử tài học nên ra câu đối:

- **Tiên sinh tọa tịch thượng, cốt chi kết, kết chi cốt, cốt cốt kết kết.**

(ông thầy ngồi trên chõng, (kêu) cốt kết, kết cốt, cốt cốt kết kết).

Ông Quát đối lại ngay:

- **Tiểu tử nhập đình trung, thần chi thơ, thơ chi thần, thần thần thơ thơ** (trò vào sân trường, (đi) thần thơ, thơ thần, thần thần thơ thơ).

Nguyễn văn Siêu nghe về đối tài tình rất phục, mời vào trong ngồi, hỏi tên tuổi và lai lịch mới biết là Cao Bá Quát ở Bắc Ninh, là người mà ông đã nghe tiếng đồn từ lâu. Về sau hai người đi lại thăm nhau luôn và trở thành đôi bạn thân thiết mặc dầu tuổi tác chênh lệch, rồi hai ông nổi tiếng khắp nơi, được người đời khen tặng là "thần Siêu thánh Quát".

Sài Gòn một chút quán xá

Turc (Thổ Nhĩ Kỳ), phở Minh

Theo tôi, một trong những món ngon đó phải kể đến phở. Mặc dù phở có xuất xứ từ miền Bắc nhưng phở Sài Gòn thường ăn kèm với giá, ngò gai, húng quế vẫn ngon hơn phở Hà Nội thiếu hẳn các loại rau thơm mà lại không có giá.

Vào đến Sài Gòn ngày xưa có con đường tên Turc (Thổ Nhĩ Kỳ), một đầu là đường Tự Do (Catinat), đầu kia là đường Hai Bà Trưng (Paul Blanchy). Tiệm phở Bắc được bán trong khuôn viên nhà thờ Hồi Giáo này, nên có tên là phở Turc.

Sài Gòn 1954, lúc người Bắc mới vào Nam, những tiệm phở Bắc hãy còn đếm được trên đầu ngón tay. Đó là mấy tiệm *phở Thịnh đường Gia Long, phở Turc đường Turc, phở Minh đường Pasteur và phở 79 ở đường Frère Louis* (sau đổi tên là đường Võ Táth).

Ngay bên hông rạp Casino có một hẻm nhỏ, đi vào hẻm đó là một dãy nhà, đa số là nhà dân Bắc Kỳ di cư sớm, từ những năm 1920. Tiệm phở Minh nằm ở dãy nhà đó. Phở Minh có cả phở bò lẫn phở gà nhưng đặc biệt hơn cả còn có bài thơ do thi sĩ Trần Rắc đề tặng. Bài thơ được cắt chữ, đóng khung kính, treo trên tường.

Bài thơ Đường Luật có 4 câu đầu như sau:

Nổi tiếng gần xa khắp thị thành,

Trần Minh Phở Bắc đã lừng danh

Chủ đề: tái, chín, nạm, gầu, sụn,

Gia vị: hành, tiêu, ớt, mắm, chanh.

Thi sĩ Trần Rắc chính là ông chủ tiệm giày Trần Rắc đường Lê Thánh Tôn, gần Khám Lớn Catinat năm xưa. Tiệm giày Trần Rắc, và cả mấy tiệm giày ở đường này, đều có cửa sau đi vào hẻm "ẩm thực" Casino. Việt Nam ta đúng là... ra ngõ gặp nhà thơ. Đến như ông chủ tiệm giày cũng có thể làm thơ về phở chứ chưa dám nói đến Tản Đà là người viết nhiều về nghệ thuật ăn uống!

(Nhớ lại món ngon Sài Gòn ngày trước - Nguyễn Ngọc Chính)

Văn bia, cuốn gia phả bằng đá

Mỹ thuật tạo bia ra sao?

Chúng tôi không phải chuyên gia Khoa Kim Thạch học, nhưng cũng xin nêu vài bia khắc đá của các dòng họ Việt Nam.

Bia dựng vào thời nhà Lê thường có chạm hoa lá, hoa văn chữ triện. Chạm hình vuông, lá cuốn, chạm dây, chạm long mã, sóng nước, hoa dây, chạm dây leo, cánh sen, rồng vờn mặt trời, xung quanh chạm rồng leo, hạc bay, phượng châu mặt nguyệt, xung quanh hoa dây tay mướp. Chạm mặt nguyệt, rồng mây, hoa dây. Chạm mặt trời, rồng, phượng và dây leo. Chạm mặt trời, mây có chữ Thọ trong mặt trời, xung quanh hoa lá. Chạm lưỡng long triều nguyệt, mây lửa viền quanh. Chạm mặt trời, rồng, nghê và hoa. Chạm mặt trời rồng phượng...

Nhóm tác giả Vũ Tuấn Sán (Hà Nội) đã viết rằng:

“Văn bia là những chứng tích phản ánh những cuộc biến thiên và cả lòng thiết tha của con người muốn gìn giữ dấu vết quý giá của thời xưa để truyền dạy cho muôn đời sau niềm tự hào về nền văn hoá lâu đời của nhân dân ta” (Tuyển tập văn bia Hà Nội, tr 9).

Văn bia là của riêng mỗi dòng họ, nhưng nó góp phần tạo nên nét độc đáo trong di sản văn hóa Việt Nam.

(Nguyễn Văn Hoa)

Sài Gòn một chút quán xá

Phở Dậu



Quán phở Dậu có mặt tại Sài Gòn đã trên 55 năm, trong khu vực cư xá hàng không cũ trên đường Công Lý, nay là hẻm 288.

Quán có xuất xứ từ **Nam Định**. Nhiều thực khách, hầu hết là người Nam, lần đầu ăn tại quán ngạc nhiên khi không thấy có giá và đĩa rau sống ăn kèm với phở, mà chỉ có chút hành ngò và thêm đĩa hành tây thái mỏng.

Bà Dậu cho biết Nam Định là nơi có nhiều người làm nghề nấu phở sớm nhất ở miền Bắc, về sau mới có người ra Hà Nội mở quán phở. Là người Nam Định di cư vào Sài Gòn, năm 1958 bà mở quán tại địa chỉ trên, vẫn theo công thức của phở Nam Định.

Để có nước lèo đặc sắc cho tô phở, nhất thiết chỉ dùng xương ống. Tuy nhiên, xương ống được hầm trong bao lâu, và thêm thắt những gia vị gì cho nồi nước lèo được đặc sắc, có lẽ là bí quyết gia truyền của quán phở Dậu. Thực khách sành điệu về phở cũng chỉ biết nước lèo của phở Dậu dậy hương vị thơm ngon đậm đà, do xương ống bò được ninh rục, không còn chút thịt nào bám vào ống xương, và hành củ với củ gừng nướng bỏ vào nồi nước lèo.

Tôi thường thức tô phở ngày nào tại quán phở Dậu trong buổi sáng trễ muộn, bởi vì nhớ lời căn dặn của chủ quán: Nên đến ăn phở Dậu lúc trễ muộn trong buổi sáng, vì đến ăn phở lúc sáng sớm thì nước lèo của tô phở còn nhạt; nếu không nêm nhạt, nước lèo đun lâu sẽ bị mặn, khi cứ để nóng sôi sùng sục tới cuối chót. Thùng thảng gấp từng đĩa phở Dậu, uống từng thìa nước lèo của tô phở, tôi vẫn cảm nhận được vị thơm ngon đậm đà mà thanh tao của tô phở. Đây là hương vị của nước lèo đặc sắc, nhiều hơn hương vị của những miếng thịt bò trong tô phở.

Ở bàn bên, vị thực khách trung niên pha chút nước mắm và tương ớt vào đĩa hành tây, trộn đều thật khéo tay, rồi gấp từng đĩa ăn kèm tô phở với vẻ toại ý. Nơi những bàn gần đó, nổi lên nhiều tiếng gọi thêm chén tái tiết, thêm chén tái nạm, thêm chén tái về... Những âm thanh ấy, những hình ảnh ấy càng làm tôi nhớ lại những ngày quá vắng xa xôi của Sài Gòn. Ngày đó, bà Dậu luôn vui vẻ và ân cần với những thực khách quen thuộc, đặc biệt thực khách vốn là văn nhân nghệ sĩ. Biết cha đẻ tiểu thuyết “Loan Mất Nhung” – nhà văn Nguyễn Thụy Long – mỗi khi ăn phở ưa trộn thêm chén cơm nguội khi tô phở đã vơi, bà Dậu tự động mang

chén cơm nguội, kèm thêm chén nước lèo cho nhà văn ăn khỏe này. Hay diễn viên điện ảnh Huy Cường, chàng biệt kích bụi bặm trong phim “Xin Nhận Nơi Đây Là Quê Hương” ưà gọi thêm một chén tái tiết, nên bà Đậu luôn làm một chén tái tiết đặc sắc mà không tính thêm tiền...

(Phở Đậu lừng danh Sài Gòn – Nguyễn Đạt) *

* nhà văn Nguyễn Đạt là cháu nhà văn Nguyễn Mạnh Côn.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm trong Từ điển từ và ngữ Việt Nam của Nguyễn Lân
văn thân 文紳

Văn là chữ nghĩa, cũng có nghĩa là người có học vấn. Chữ thân 紳 ban đầu là cái đai áo của các quan to, là người có quyền thế, như trong các từ thân hào, thân sĩ, hương thân, v. v. Văn thân là người có học vấn rồi được làm quan.

Soạn giả đã giải thích rằng, “thân” nghĩa là cái dải mũ. Hoàn toàn sai. Trong tiếng Hán, “anh” 纓 là cái dải mũ, chữ này không hề tượng trưng cho người làm quan to hay người có quyền thế.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Nền văn hóa Óc eo

Vùng đất miền Nam đã thành hình trong lịch sử Việt Nam chỉ vào khoảng 400 năm, kể từ thế kỷ XVII. Trước thế kỷ thứ VI, đây là một vùng đất hoang vu thuộc Vương quốc Phù Nam. Trường Viễn Đông Bác Cổ, sau cuộc khám phá các di tích ở Óc Eo, vùng núi Ba Thê (Châu Đốc) năm 1944 đã gọi thời này là nền văn minh Óc Eo. Sau thế kỷ thứ VI, sắc tộc Kambuja từ miền Bắc tràn xuống đã phá tan vương quốc Phù Nam và thành lập vương quốc Chân Lạp. Vương quốc Chân Lạp đã nổi tiếng vì sự nghiệp xây dựng một kỳ công kiến trúc: đền đài Angkor vào thế kỷ XII! Vương quốc Chân Lạp đã suy yếu vì những cuộc tranh dành nội bộ cộng với sự lấn chiếm của lân quốc Xiêm. Họ đã phải ba lần dời đô, từ bỏ Angkor để qua Oudong và sau cùng dừng lại ở Phnom Penh.

(Trần Ngươn Phiêu – Cù Lao Phố)